

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

- ✦ Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai
- ✦ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600334112 (Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 4703000301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 27 tháng 12 năm 2010)
- ✦ Vốn điều lệ: 82.319.980.000 đồng
- ✦ Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 41.983.200.000 đồng (51%/vốn điều lệ)
- ✦ Địa chỉ: Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai
- ✦ Số điện thoại: 061 3832225 Fax: 061 3831259
- ✦ Email: info@dongnaiport.com.vn Website: www.dongnai-port.com
- ✦ Mã cổ phiếu: PDN

**PHẦN I
THÔNG TIN CHUNG**

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT.....	5
PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC.....	7
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....	10
THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN.....	14
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY.....	716
CÁC RỦI RO.....	17

**PHẦN II
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD.....	20
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....	21
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	25
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY.....	26
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG.....	27

**PHẦN III
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SXKD.....	31
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	33
TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI.....	34

**PHẦN IV
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	37
ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD.....	37
KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT.....	37

**PHẦN V
QUẢN TRỊ CÔNG TY**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	41
BAN KIỂM SOÁT.....	44
CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGD, BKS.....	45

**PHẦN VI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**



DONG NAI PORT (PDN)



PHẦN I

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI



Trải qua 25 năm hình thành và phát triển, các thế hệ lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai đã gắn kết một lòng, đặt nền móng và cùng nhau xây dựng nên một thương hiệu lớn, được khẳng định không chỉ bằng niềm tin của khách hàng, mà còn là uy tín với đối tác. Đó là những giá trị kết tinh, là niềm tự hào lớn lao của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, ngành logistics và nền kinh tế đất nước.

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị cổ đông!

Năm 2013 đi qua với những khó khăn chung của nền kinh tế thế giới, tăng trưởng toàn cầu thấp so với dự báo đầu năm. Điều này đã ảnh hưởng dây chuyền đến nền kinh tế Việt Nam, làm cho điều kiện tín dụng bị thắt chặt, thị trường tiêu thụ giảm sút, nhiều doanh nghiệp bị phá sản, giải thể hoặc tạm ngừng hoạt động. Đứng trước diễn biến phức tạp của nền kinh tế thế giới, tình hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam cũng chậm lại, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao, lượng cung cầu hạn chế, nợ công nhiều hơn. Quan hệ về đầu tư và xuất nhập khẩu giữa các nước với Việt Nam về cơ bản chưa có gì khởi sắc.



Chủ tịch HĐQT Đỗ Văn Sâm

Để lái được con tàu “Cảng Đồng Nai” tránh khỏi biến cố trên vì sự tồn tại và vươn lên, Hội đồng quản trị (HDQT) đã thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước, bám sát thị trường, tận dụng và phát huy các điều kiện thuận lợi mà Cảng có được, cải tiến dịch vụ hiện hữu và nỗ lực tìm kiếm, giữ chân các khách hàng đến với Cảng, trong điều kiện Cảng Đồng Nai cũng gặp phải không ít khó khăn khách quan và chủ quan như bao doanh nghiệp Việt Nam khác. Để thực hiện được các mục tiêu này Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai đã tiến hành tái cấu trúc bộ máy nhân sự để tinh gọn và nâng cao năng suất lao động, chi phí nhân sự được cắt giảm với tình hình mới, chương trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp được chất lọc lại và triển khai sát hơn với thực tế.

Nhìn chung năm 2013 với các khó khăn rất lớn đến từ nhiều phía nhưng Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai đã tiếp tục trụ vững, đạt được lợi nhuận kế hoạch, khách hàng tiếp tục ủng hộ, hệ thống tiếp tục được duy trì, tập thể CB-CNV cam kết gắn bó và cống hiến hết mình cùng với các dự án tiềm năng đang được gấp rút thực hiện. Thực tế

này đã nói lên rằng những nỗ lực của Ban điều hành cùng tập thể CB-CNV và trên hết là HĐQT với các chiến lược kinh doanh là đúng đắn.

Bước vào năm 2014, Cảng Đồng Nai sẽ tiếp tục phát huy những thành quả đã giữ vững được trong năm 2013, cùng với việc nâng cao năng lực cạnh tranh của tổ chức, bồi dưỡng nhân tài, chúng tôi hoàn toàn tin tưởng vào một viễn cảnh tốt đẹp. Dù bất kỳ hoàn cảnh nào, khó khăn nào sự thành công của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai cũng không thể thiếu đi sự đồng hành, ủng hộ, hỗ trợ của Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý cơ quan hữu quan cùng toàn thể CB-CNV.

Xin Quý vị nhận lời cảm ơn chân thành của tôi và hy vọng với sự cam kết của quý vị, Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai đã và sẽ tiếp tục gặt hái những thành quả to lớn hơn nữa trong tương lai.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Sâm

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Bạch Mai

Kính thưa quý khách hàng, đối tác và quý vị cổ đông!

Khi Quý vị cầm trên tay cuốn Báo cáo thường niên này là đúng dịp Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai vừa tròn 25 tuổi, đây là thời điểm có ý nghĩa để chúng ta cùng nhìn lại một năm qua cũng như chặng đường của một phần tư thế kỷ - một chặng đường dài xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.

Năm 2013 đã qua đi với đầy biến động và thử thách, kinh tế toàn cầu chưa thoát khỏi suy thoái, kinh tế Việt Nam cũng trải qua một năm khó khăn chưa từng thấy. Nổi cộm với những vấn đề như nợ xấu hàng trăm nghìn tỷ đồng, lượng cung cầu giảm sút nghiêm trọng, hàng hóa tồn kho, hàng chục nghìn doanh nghiệp thua lỗ, phá sản, giải thể. Các biện pháp thắt chặt chính sách tiền tệ của chính phủ một mặt có tác dụng

kiềm chế lạm phát, mặt khác cũng khiến cho các doanh nghiệp rơi vào tình trạng khó khăn do thiếu vốn.

Trong bối cảnh chung phức tạp này, Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai cũng gặp nhiều khó khăn như tại khu vực phía nam, hệ thống cảng biển đang rơi vào tình trạng khủng hoảng thừa, khu vực Thị Vải - Cái Mép ngoài các cảng khai thác hàng tổng hợp hiện hữu như Phú Mỹ, cảng Thép Miền nam, Cảng dầu khí PTSC, Cảng Interfloor còn có một số cảng container chuyển sang khai thác hàng rời như: TCCT, SP PSA, SITV. Đây là những cảng có công suất rất lớn có thể tiếp nhận tàu lên đến 100.000 tấn. Ngoài ra, mối quan ngại lớn của Cảng là sự biến động thị trường trực tiếp ảnh hưởng đến nguồn hàng truyền thống như:

🚧 Tình hình khủng hoảng nợ công, chính sách cắt giảm ngân sách đầu tư công trong năm 2013 đã khiến cho thị trường ngành xây dựng bị đóng băng và một số dự án quốc gia bị tạm ngưng làm ảnh hưởng trực tiếp đến sự lưu thông của nhóm hàng chủ lực qua cảng như bột đá, sắt thép, cọc bê tông, than đá,...

🚧 Do thường xuyên biến động giá nhiên liệu trong năm, chỉ số tiêu dùng CPI, tỷ giá hối đoái đã làm tăng chi phí sản xuất, vì thế chi phí đầu vào phục vụ sản xuất như giá thuê nhân công, thuê thiết bị cũng tăng.

Với sự quan tâm hỗ trợ và chỉ đạo kịp thời của HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể CB-CNV đã đoàn kết, nỗ lực hết mình, chủ động đưa ra nhiều giải pháp và chương trình hành động cụ thể để khắc phục khó khăn, tận dụng cơ hội, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, tạo nên chuỗi thành công qua các năm thể hiện bằng các chỉ tiêu đạt được.

- Sản lượng:

Ngành khai thác container: đạt 194.815 teus

Ngành hàng tổng hợp: đạt 2.742.260 tấn

- Doanh thu: 207.758.270.000 đồng

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 47.532.210.000 đồng

Nổi tiếp những thành tích ấn tượng trong sản xuất và kinh doanh, năm 2013 tiếp tục là năm cổ phiếu PDN được nhiều cổ đông và nhà đầu tư lựa chọn do có mức sinh lời và

mức giá biến động tốt trong khi rủi ro thấp hơn so với hầu hết các cổ phiếu khác trên thị trường, công tác truyền thông trao đổi thông tin giữa Công ty với cổ đông tiếp tục được cải tiến, phát huy hiệu quả và đã nhận được nhiều sự phản hồi tích cực.

Thành công đáng tự hào của năm 2013 đã tạo nên và đánh dấu mốc son **25 năm** rạng rỡ trong hành trình xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai. Bức tranh kinh tế toàn cầu năm 2014 theo dự báo sẽ tiếp tục với muôn vàn khó khăn thách thức chưa có lời giải đáp. Đối với Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, thách thức lớn nhất đang chờ phía trước chính là cuộc cạnh tranh quyết liệt trên thương trường, và biện pháp ứng phó đã được Ban lãnh đạo đề ra và đang triển khai cụ thể bao gồm:

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực hiện hữu;
- Thực hiện tốt hoạt động sản xuất và nâng cao năng lực quản lý;
- Nâng cao năng lực cạnh tranh, tiết giảm chi phí, hoàn thiện quy trình sản xuất;
- Có chính sách bán hàng linh hoạt, bám sát thị trường, duy trì và nâng cao hiệu quả của công tác tiếp thị, truyền thông, an sinh xã hội và tận dụng các nguồn lực của Công ty.

Với những thành tựu đạt được trong năm 2013 và các giá trị nền tảng đã được kết tinh trong **25 năm** qua, với cam kết, quyết tâm và nỗ lực của tập thể CBCNV cùng sự đồng hành và ủng hộ của các Quý Cổ đông, Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ vượt qua các khó khăn thách thức phía trước để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch 2014 và tiếp tục lập nên những thành công mới trên chặng đường phát triển tiếp theo.

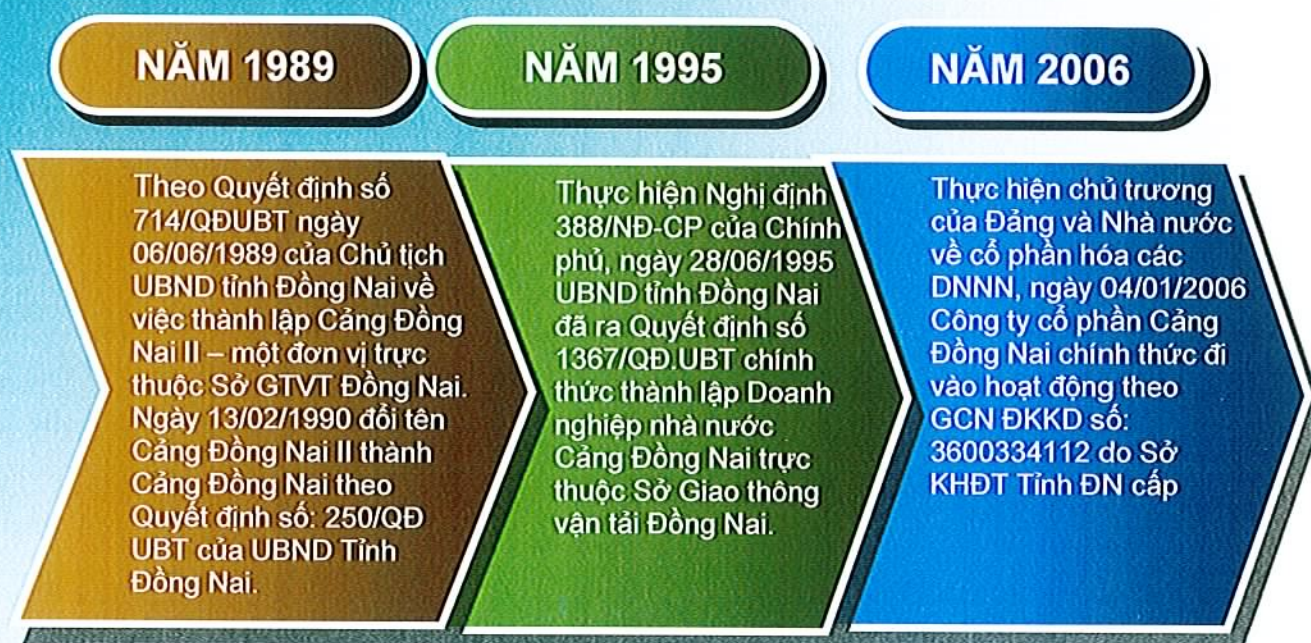
Thay mặt Ban điều hành một lần nữa tôi xin gửi đến toàn thể quý khách hàng và quý cổ đông lời chúc sức khỏe và hạnh phúc./.

Trân trọng.

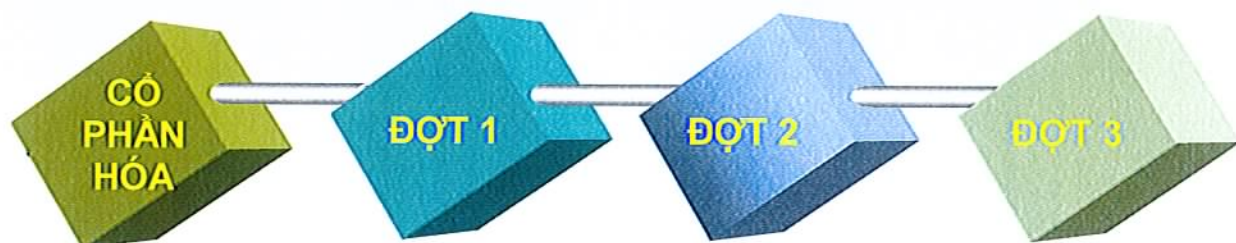
**TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẢNG
ĐỒNG NAI
Nguyễn Thị Bạch Mai

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

- Năm 1995 chính thức thành lập doanh nghiệp nhà nước Cảng Đồng Nai theo Quyết định số 1367/QĐUBT, đến năm 2006 chuyển đổi từ năm Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần
- Năm 2011 Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán là PDN.



Từ năm 2006 đến nay, công ty đã trải qua ba lần tăng vốn điều lệ:



Từ 04/01/2006 Đến 28/02/2008	Từ 29/02/2008 Đến 29/06/2008	Từ 30/06/2008 Đến 30/11/2010	Từ 31/11/2010 Đến Hiện tại
VỐN ĐIỀU LỆ 34,990 tỷ Đồng	VỐN ĐIỀU LỆ 49 tỷ Đồng	VỐN ĐIỀU LỆ 51,450 tỷ Đồng	VỐN ĐIỀU LỆ 82,320 tỷ Đồng

NHỮNG NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH CỦA CÔNG TY

- Căn cứ theo giấy phép ĐKKD đã được Phòng Đăng ký kinh doanh trực thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp giấy phép thay đổi lần thứ 3, các ngành nghề hoạt động bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho lạnh (trừ kho ngoại quan), kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác.	5210
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
3	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ vận tải đường biển, dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu	5229
5	Bốc xếp hàng hóa: Bốc xếp hàng hóa cảng biển	5224
6	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng, vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác	4933
7	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
8	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	4661
9	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trụ gỗ, tre, nứa) và động vật sống: Bán buôn thóc, ngô và các loại ngũ cốc khác, bán buôn nông,	4620

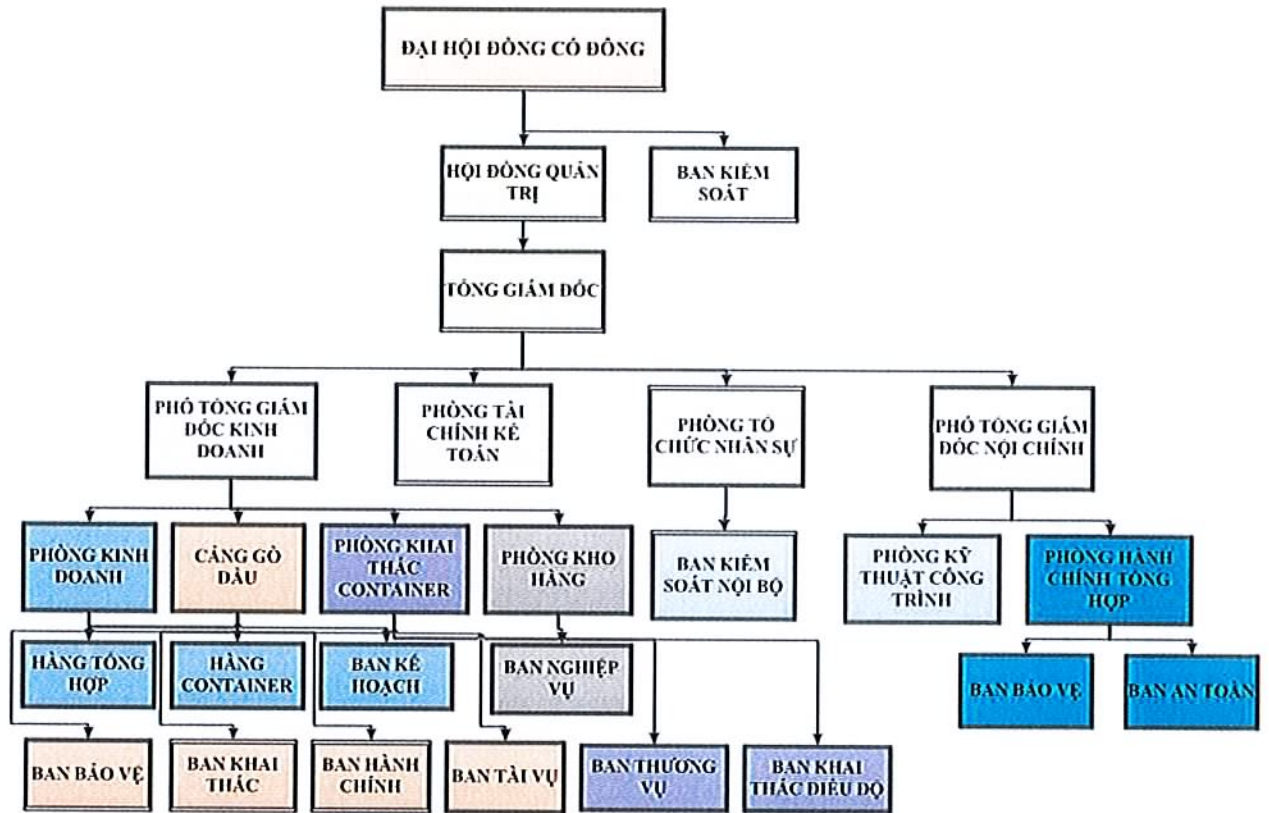
	lâm sản, nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	
10	Vận tải hàng khác đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt): Vận tải hàng khách bằng taxi	4931
11	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
12	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi	4663
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
14	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	6810

- Các ngành nghề chính và cơ cấu doanh thu theo ngành qua các năm của Công ty như sau:

DVT: Tỷ đồng

DOANH THU TÊN NGÀNH	NĂM 2010		NĂM 2011		NĂM 2012		NĂM 2013	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Mã ngành 52109: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác	16	17	18	15	23	14	25	12
Mã ngành 52243: Bốc xếp hàng hóa cảng biển	64	70	86	72	126	75	129	63
Mã ngành 52299: Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu	12	13	16	13	20	11	50	25
Tổng cộng	92	100	120	100	173	100	207	100

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HIỆN HÀNH CỦA CÔNG TY



CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN:

1. CÔNG TY NẴM GIỮ TRÊN 50% VỐN CỔ PHẦN/VỐN GÓP CỦA TỔ CHỨC

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
01	Tổng Công ty Phát triển KCN	4.198.320	51,00%

2. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

STT	TÊN ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ VỐN GÓP (VNĐ)
<i>I</i>	<i>Công ty liên kết</i>	<i>15.165.000.000</i>
1	Cty CP Cảng Long Thành Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Long Thành, Đồng Nai	1.665.000.000
2	Công ty CP Dịch vụ cảng Đồng Nai Địa chỉ: Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai	13.500.000.000
<i>II</i>	<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	<i>7.000.000.000</i>
1	Công ty CP Sonadezi Châu Đức Địa chỉ: Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Bà Rịa – Vũng Tàu	7.000.000.000
	TỔNG CỘNG	22.165.000.000

3. TÓM TẮT VỀ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

- Công ty CP Cảng Long Thành và Công ty CP dịch vụ Cảng Đồng Nai là các công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực khai thác dịch vụ, hạ tầng cảng biển và xếp dỡ hàng hóa, tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong năm 2013 rất khả quan.
- Công ty CP Sonadezi Châu Đức: công ty này kinh doanh về hạ tầng và đang trong giai đoạn triển khai các dự án đầu tư, về lợi nhuận đa phần là đầu tư ngắn hạn vào ngân hàng: lãi tiền gửi có kỳ hạn
- Các công ty liên kết đã chi trả cổ tức cho công ty CP Cảng Đồng Nai như sau:

STT	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN CỔ TỨC (VNĐ)
1	Cty CP Cảng Long Thành	91.575.000
2	Công ty CP Dịch vụ cảng Đồng Nai	810.000.000
	TỔNG CỘNG	901.575.000

- Riêng đối với Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Đồng Nai, ĐHDCĐ Công ty CP DVHH Đồng Nai đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2013 của Công ty, theo đó kết quả kinh doanh năm 2013 Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Đồng Nai bị lỗ do nguyên nhân chủ yếu phải trích lập dự phòng cho khoản nợ phải thu khó đòi phát sinh bởi Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines. Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Cảng Đồng Nai quyết định thoái vốn tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Đồng Nai nhằm mục đích bảo toàn vốn, phòng tránh rủi ro và tăng cường vốn lưu động cho công ty. Cảng Đồng Nai đã thực hiện xong việc chuyển nhượng cổ phiếu cho Công ty TNHH Hàng hải Biển Đông trước 31/12/2013.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY



SỨ MỆNH

Mang lại chuỗi cung ứng tốt nhất cho khách hàng và lợi ích bền vững cho các bên liên quan. DNP nỗ lực vì sự phát triển kinh tế, góp phần xây dựng Tỉnh Đồng Nai theo hướng Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa.



TÂM NHÌN

“Hướng tới sản lượng hai mươi triệu tấn xếp dỡ vào năm 2020”



NĂNG LỰC CỐT LÕI

Duty (Trách nhiệm): Phát triển bản thân, xây dựng công ty, tạo dựng giá trị cộng đồng

Nature (Tự nhiên): Thuận theo nguyên lý “Bạn – Bàn – Bán”

Proactive (Chủ động): Hợp tác, phản hồi, kết quả



KHẨU HIỆU

Đồng hành cùng bạn, vươn tới tương lai

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Cũng như các ngành nghề kinh doanh khác, hoạt động cầu cảng, cho thuê bến bãi ... của Công ty cũng chịu ảnh hưởng từ sự thay đổi của nền kinh tế toàn cầu. Khi nền kinh tế tăng trưởng tốt sẽ ảnh hưởng tích cực đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và ngược lại. Điển hình là cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu trong giai đoạn từ năm 2008 đến nay đã tác động đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và đến hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng. Thêm vào đó, giá vật tư, xăng dầu, nguyên liệu thường xuyên biến động ở mức cao, đồng thời hầu hết các doanh nghiệp trong nước cũng phải đối mặt với áp lực cạnh tranh để có thể đứng vững trong quá trình hội nhập.

Rủi ro luật pháp

Hoạt động trong thẩm quyền của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định chồng chéo. Những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, do đó bất kỳ điều chỉnh nào của chính sách pháp luật cũng sẽ có tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đối với ngành kinh doanh cảng biển, ngoài các rủi ro nêu trên, ngành này còn phải gánh chịu thêm rủi ro của luật xây dựng như sự hạn chế việc cấp giấy chứng nhận sở hữu công trình và rủi ro ở việc thay đổi các chính sách của nhà nước.

Rủi ro đặc thù ngành

Hoạt động khai thác cảng và dịch vụ xếp dỡ phục vụ cho nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là hoạt động xuất nhập khẩu. Sự tăng trưởng về xuất nhập khẩu luôn gắn liền với chính sách khuyến khích hay hạn chế xuất nhập khẩu của Chính phủ. Khi chính sách xuất nhập khẩu của Chính phủ thay đổi sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kim ngạch xuất khẩu và hoạt động kinh doanh của Cảng Đồng Nai.

Một đặc điểm khác của các doanh nghiệp ngành cảng là đều phải đầu tư với giá trị lớn vào cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện đại để đảm bảo năng lực kinh doanh nên rủi ro mà hầu hết ngành này phải đối mặt là tỷ lệ nợ trong cơ cấu vốn của ngành phổ biến ở mức khá cao, trong đó chủ yếu là các khoản vay bằng ngoại tệ. Do đó, áp lực biến động tỷ giá và lãi suất lên chi phí của doanh nghiệp là rất lớn.

Điều kiện thiên nhiên là nhân tố rủi ro lớn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sản lượng và hiệu quả của Cảng phụ thuộc vào mùa mưa bão, lũ lụt, thiên tai... gây thiệt hại về đường xá; gây ra khó khăn cho phương tiện thủy, bộ trong việc vận hành kinh doanh. Thêm một rủi ro đặc thù khác của ngành là Nhà nước không cấp giấy chứng nhận sở hữu công trình cho các công trình dưới nước hoặc kho bãi, đây cũng là

một rủi ro lớn đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành khai thác cảng như Cảng Đồng Nai.

Rủi ro cạnh tranh

Việc Việt Nam chính thức gia nhập WTO là cơ hội rất lớn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng. Tuy nhiên, sự cạnh tranh về giá cước dịch vụ giữa các cảng trong khu vực sẽ gây không ít khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, sự gia tăng về số lượng cảng mới hình thành cũng như việc mở rộng hợp tác kinh doanh, liên doanh với đối tác nước ngoài của các doanh nghiệp trong ngành sẽ làm hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng khó khăn. Sự cạnh tranh tạo ra mức cước phí rẻ hơn, do vậy đây có thể là nhân tố làm ảnh hưởng đến doanh thu của các doanh nghiệp cùng ngành nói chung và của Cảng Đồng Nai nói riêng.

Rủi ro dự án

Hiện nay Công ty đang trong giai đoạn tiếp tục triển khai hoặc hoàn chỉnh các hạng mục công trình nên một trong những khó khăn mà Công ty phải đối mặt là vấn đề tiến độ thực hiện công trình mà đây hoàn toàn phụ thuộc vào việc đền bù giải tỏa và tái định cư cho người dân tại khu vực, do các chính sách về giá đất đai luôn thay đổi nên Công ty phải luôn cập nhật để đưa ra mức giá đền bù phù hợp cho người dân.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai. Nhằm hạn chế rủi ro này công ty đã và sẽ mua bảo hiểm vật chất cho các tài sản tham gia trong quá trình kinh doanh.

Quản trị rủi ro

Để công tác quản trị rủi ro có một hành lang hoạt động thông thoáng, phối hợp nhịp nhàng với các đơn vị, các quy chế quản trị rủi ro đã được ban hành. Theo đó, bộ phận quản trị rủi ro phải thường xuyên nắm bắt, cập nhật các vấn đề phát sinh tại đơn vị và nhanh chóng xây dựng, triển khai quy trình kiểm soát quản lý rủi ro với các nhiệm vụ:

- 🚧 Rà soát, góp ý để hoàn thiện quy trình sản xuất kinh doanh của từng đơn vị.
- 🚧 Tiến hành kiểm soát nội bộ định kỳ và đột xuất nhằm giảm thiểu chi phí bất hợp lý ; giảm thất thoát để tăng hiệu quả hoạt động.
- 🚧 Tập trung công tác cắt giảm chi phí toàn diện ở từng đơn vị, từng bộ phận. Phối hợp với đơn vị phân tích hiệu quả và lựa chọn phương án kinh doanh phù hợp trước khi triển khai.

- ✚ Rà soát, theo dõi kết quả thực hiện của từng đơn vị. Cảnh báo các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành mục tiêu, đánh giá và kiến nghị biện pháp xử lý những tồn tại.
- ✚ Để giảm thiểu các rủi ro trên, ngoài việc mua các loại bảo hiểm rủi ro trong quá trình khai thác cảng, Công ty đang nỗ lực trong việc giải phóng hàng hóa nhanh cho khách hàng, cải cách thủ tục giao nhận hàng tại Công ty để rút ngắn thời gian chờ đợi cho khách hàng, thiết lập quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, các nhà thầu vận tải, kinh doanh khai thác cảng để tạo thành chuỗi cung ứng dịch vụ khép kín để đưa hàng hóa từ kho nhà máy của khách hàng về đến cảng đích của nơi nhận hàng và phát huy lợi thế về vị trí địa lý thuận lợi là gần các khu công nghiệp.
- ✚ Công ty cũng có những giải pháp như rà soát và yêu cầu các nhà thầu xây dựng thực hiện đúng tiến độ công trình để sớm đưa các hạng mục công trình đi vào khai thác, hạn chế thấp nhất các công trình dở dang kéo dài ảnh hưởng kế hoạch khai thác và phát sinh chi phí do biến động giá cả vật tư..., xúc tiến mạnh mẽ công tác đền bù và xây lắp mặt bằng các dự án đã được duyệt để đẩy nhanh tiến độ đấu thầu, thi công và đưa vào khai thác kịp tiến độ nhằm hạn chế việc bỏ lỡ cơ hội kinh doanh.



DONG NAI PORT

PHẦN II
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch giao	Kết quả đạt được	Tỷ lệ % So với kế hoạch	Tỷ lệ % So với cùng kỳ 2012
1	Sản lượng hàng tổng hợp	Tấn	3.300.000	2.742.260	83,10%	95,98%
2	Sản lượng hàng container	Teu	180.000	194.815	108,23%	165,56%
3	Tổng doanh thu	Tr đồng	190.000	207.758,27	109,35%	119,44%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	46.000	47.532,21	103,33%	101,72%
5	Nộp ngân sách (số phải nộp)	Tr đồng	13.235	13.554,48	102,41%	105,58%
6	Tỷ suất LNTT/vốn điều lệ (82,320 tỷ)	%	55,88	57,74	103,33	101,72
7	Cổ tức dự kiến <i>(đề nghị đề trình đại hội)</i>	%	20	22	110	110
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đ/cp		5.453		100,85%
9	Tổng vốn đầu tư XDCB	Tr đồng	227.856	46.560	20,434%	82,52%

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG CÔNG TY



(Lý lịch trích ngang của các thành viên Ban TGD và kế toán trưởng kèm theo)



BÀ NGUYỄN THỊ BẠCH MAI – TỔNG GIÁM ĐỐC

- 1987 – 1989 Kỹ sư Ban quản lý dự án Sở GTVT Đồng Nai.
- 1989 – 1991 Cán bộ kỹ thuật Cảng Đồng Nai
- 1991 – 1993 phụ trách phòng Kỹ thuật
- 1993 – 12/1999 Phó Giám Đốc Cảng Đồng Nai.
- 1/2000 – 11/2006 Phó Giám đốc Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai.
- 11/2006 – 3/2008 Chuyên viên chính Văn phòng UBND Tỉnh ĐN
- 3/2008 – 9/2009 Phó ban Dự án Công ty Phát triển KCN Biên Hòa.
- 10/2009 – 3/2010 Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- 4/2010 – 6/2010 Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai
- 7/2010 – Nay Phó chủ tịch HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai

	<p>ÔNG ĐỖ VĂN SÂM – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT VÀ NỘI CHÍNH</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 1982 – 1989 Cán bộ kỹ thuật Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai. ▪ 1989 – 1996 Cán bộ kỹ thuật Cảng Đồng Nai. ▪ 1997 – 2000 Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Cảng Đồng Nai. ▪ 2000 – 2005 Phó Giám Đốc Cảng Đồng Nai. ▪ 2006 – 6/2010 Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai. ▪ 7/2010 – Nay Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật và nội chính Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai
	<p>ÔNG NGUYỄN NGỌC TUẤN – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KINH DOANH</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 1995 – 1996 Nhân viên Điều độ Phân Cảng Gò Dầu – thuộc Cảng ĐN ▪ 1996 – 04/1998 Cán bộ phụ trách Thương vụ Cảng Đồng Nai. ▪ 04/1998 – 12/1998 Cán bộ phụ trách phòng thương vụ Cảng Đồng Nai. ▪ 12/1998 – 2000 Phó phòng thương vụ Cảng Đồng Nai. ▪ 2000 – 2005 Trưởng phòng khai thác thương vụ Cảng Đồng Nai. ▪ 2006 – 08/2007 Thành viên HĐQT, Trưởng phòng khai thác – Điều độ Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai. ▪ 09/2007 – 08/2009 Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai. ▪ 09/2009 – 2/2012 trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Khai thác container Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai. ▪ 3/2012 – Nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Trưởng phòng khai thác container Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai
	<p>BÀ VÒNG THỊ THÚY PHƯỢNG – KẾ TOÁN TRƯỞNG</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 12/1978 – 4/1986: Nhân viên kế toán Xí nghiệp hợp doanh Bà Rịa Vũng Tàu ▪ 05/1986 – 10/1991: Nhân viên kế toán Công ty vận tải hàng hóa Đồng Nai ▪ 11/1991 – 11/1998: Nhân viên Phòng kế toán tài vụ Cảng Đồng Nai ▪ 12/1998 – 10/2009 : Phó phòng kế toán tài vụ Cảng Đồng Nai nay là Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 11/2009 - Nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán tài vụ (nay là Phòng Tài chính – Kế toán) Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai.

SỰ THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2013, HĐQT đã tiến hành công bố thông tin theo Nghị Quyết số 08/2013/NQ-HĐQT ban hành ngày 24/06/2013 về việc Bà Phó Tổng giám đốc tài chính Nguyễn Thị Kim Chi nghỉ hưu theo chế độ, do vậy Ban Tổng giám đốc đã giảm một thành viên so với năm 2012.

SỐ LƯỢNG CBCNV VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

a- Số lượng người lao động trong Công ty

- Tính đến thời điểm ngày 28/02/2014, tổng số lao động của Công ty là 227 người được phân theo cơ cấu như sau:

CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN CHIA THEO TRÌNH ĐỘ

Trình độ	Số người	Tỷ lệ
Phân theo trình độ lao động	227	100%
Trên đại học	7	3,26%
Đại học	91	35,35%
Cao đẳng + Trung cấp	29	15,81%
Công nhân kỹ thuật	53	24,65%
Lao động phổ thông	47	20,93%
Phân theo hợp đồng lao động	227	100%
HĐ lao động dài hạn	133	100%
HĐ lao động ngắn hạn	94	0%
HĐ thời vụ	0	0%
Tổng cộng	227	100%

b- Chính sách đối với người lao động

- Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, yếu tố con người được Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai chú trọng đầu tư rất lớn. Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức thu nhập hấp dẫn, Công ty luôn tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo nhằm khai thác tối đa năng lực của từng CBCNV góp phần vào sự thành công của Công ty.

c- Chế độ làm việc:

- Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định của Pháp luật.

- Về môi trường làm việc: văn phòng làm việc được thiết kế thoáng mát, môi trường thân thiện.... Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

d- Chính sách lương, thưởng, trợ cấp cho người lao động

+ Chính sách lương, thưởng:

- Sự thành công của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai luôn gắn liền với yếu tố con người. Do đó, lương, thưởng cho CBCNV luôn là mối quan tâm hàng đầu của Ban Lãnh đạo Công ty. Công ty luôn đảm bảo trả lương cho CBCNV đúng hạn. Chính sách lương thưởng được Công ty xây dựng rất tiên tiến và hấp dẫn đủ để giữ chân các Cán bộ chủ chốt của Công ty cũng như thu hút người tài.

+ Chính sách trợ cấp:

- Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động ở Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty. Tất cả CBCNV đều được hưởng các chế độ bảo hiểm như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn lao động, Bảo hiểm thất nghiệp.

- Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao để CBCNV có cơ hội giao lưu và trau dồi thể chất. Hàng năm CBCNV trong Công ty đều được đi tham quan, nghỉ mát để tái tạo sức lao động.

+ Chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực

Với mức thu nhập khá cao, nhiều cơ hội thăng tiến, môi trường làm việc tốt, các chính sách về lao động, đào tạo nguồn nhân lực luôn được Ban lãnh đạo chú trọng, quan tâm nên Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai luôn nhận được sự gắn bó và cống hiến hết mình của toàn thể CBCNV Công ty. Bên cạnh đó, với các chính sách của mình Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai cũng là nơi luôn thu hút được sự quan tâm của các nguồn nhân lực bên ngoài.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Năm 2013 Công ty không đầu tư tài chính, chỉ đầu tư các công trình xây dựng cơ bản và dự án, chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

STT	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2013	01/01/2013
	Tổng số chi phí XDCB dở dang	64,118,921,702	47,526,106,701
	<i>Trong đó:</i>		
1	+ Bến tàu 30.000DWT GDB	407,325,834	407,325,834
2	+ Mở rộng cảng GDB giai đoạn 2	3,067,468,113	1,093,540,683
3	+ Điều chỉnh giai đoạn 1 cảng GDB	441,859,200	220,929,600
4	+ Mở rộng CDN Giai đoạn 2	943,056,152	743,892,932
5	+ Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng cảng GDA	302,152,838	302,152,838
6	+ CP đền bù mở rộng Cảng Đồng Nai GDII(09ha)	32,130,318,673	32,130,318,673
7	+ San lấp bãi 5.2ha	-	5,307,975,993
8	+ Nâng cấp bến tàu 2000DWT lên 5000DWT - Phân đoạn 1	113,418,053	113,418,053
9	+ Nạo vét vùng thủy diện trước cầu A1,A3	33,200,000	1,327,242,038
10	+ Cảng phước Thái	-	11,342,175
11	+ Sửa chữa bãi B1	-	669,599,753
12	+ Móng nền nhà kho CFS	-	3,377,546,438
13	+ Nạo vét duy tu vùng nước trước bến B3	2,329,704,728	117,226,818
14	+ Thảm nhựa bãi B1	-	1,061,548,182
15	+ Dự án tổng hợp cảng GDB	11,896,925	554,750
16	+ Đường từ cổng cảng vào công ty cát phú	-	30,587,358
17	+ Bãi container KV1	-	5,770,000
18	+ Khu dịch vụ văn phòng cảng LBT	217,850,000	217,850,000
19	+ Hệ thống thông tin quản trị nguồn lực DN	1,134,775,784	340,432,735
20	+ Mở rộng cảng ĐN giai đoạn 1	112,457,575	35,184,848

21	+ Xe nâng container Kalmar Reachstacker	-	11,667,000
22	+San lấp bãi 4.757 m2	789,167,554	-
23	+Bến sà lan 3000DWT	68,433,636	-
24	+Tường rào bãi container KV1	8,118,362	-
25	+Hệ thống thoát nước bãi container KV1	584,260,995	
26	+Bồi thường di dời đầu tư xây dựng tuyến nhánh BH2	190,785,000	-
27	+Chi phí đầu tư hạ tầng khu tái định cư	21,232,672,280	

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

a – Tình hình tài chính

SỐ TT	CHỈ TIÊU	KỶ TRƯỚC	KỶ BÁO CÁO	% TĂNG GIẢM
1	Tổng giá trị tài sản	335.834.967.063	372.705.706.484	10,98
2	Doanh thu thuần	168.968.537.254	202.767.978.517	20,00
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	46.021.639.379	46.014.611.520	-0,02
4	Lợi nhuận khác	706.197.094	1.517.605.616	114,90
5	Lợi nhuận trước thuế	46.727.836.473	47.532.217.136	1,72
6	Lợi nhuận sau thuế	44.508.844.240	44.885.853.099	0,85
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	36,99%	36,68%	-0,31%

b - Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

SỐ TT	CHỈ TIÊU	KỶ TRƯỚC	KỶ BÁO CÁO
1	Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán:		
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	1,0984	1,0010
	- Hệ số thanh toán nhanh <i>$\frac{TSLĐ-Nợ ngắn hạn}{Nợ ngắn hạn}$</i>	1,0969	0,9995
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:		
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản - Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	24,59% 32,62%	24,89% 33,13%

3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:		
	- Vòng quay hàng tồn kho $\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	983,56	1.168,51
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	50,31%	54,40%
4	Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời:		
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	13,25	12,04%
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế /doanh thu thuần	26,34	22,14%
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế /nguồn vốn chủ sở hữu	17,58	16,03%
	- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	27,24	22,69%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY

Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai là Công ty mà Nhà nước nắm cổ phần chi phối. Tính đến ngày 25/12/2013 cơ cấu theo vốn cổ phần và cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

STT	Danh mục	Đơn vị tính: VNĐ	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				Cổ đông Tổ chức	Cổ đông Cá nhân
A	Cơ cấu vốn cổ phần	82.319.980.000	100,00%	75,69%	24,31%
1	Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu	53.330.540.000	64,78%	64,78%	0%
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% cổ phiếu	8.360.560.000	10,16%	10,16%	0%
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phiếu	20.628.880.000	25,06%	0,75%	24,31%
B	Cơ cấu vốn cổ đông	82.319.980.000	100,00%	75,69%	24,31%
1	- Cổ đông trong nước	81.583.780.000	99,11%	75,69%	23,42%
	+ Cá nhân	19.273.030.000	23,42%	0%	23,42%
	+ Tổ chức	62.310.750.000	75,69%	75,69%	0%
2	- Cổ đông nước ngoài	736.200.000	0,89%	0%	0,89%
	+ Cá nhân	736.200.000	0,89%	0%	0,89%
	+ Tổ chức	0	0%	0%	0%
3	- Cổ phiếu quỹ	0	0%	0%	0%

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thưởng, cổ phiếu ưu đãi):

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai không có cổ phiếu thường và cổ phiếu ưu đãi
Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi):

không có.

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai có 8.231.998 cổ phiếu phổ thông đang lưu hành.

Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại:

không có

CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN

a- Cổ đông/thành viên góp vốn nhà nước

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
01	Tổng Công ty Phát triển KCN	4.198.320	51,00%

b- Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm chốt danh sách cổ đông 25/12/2013

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên tại thời điểm 25/12/2013

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ/Số điện thoại	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
01	Tổng Công ty Phát triển KCN	Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Biên Hòa, Đồng Nai ĐT: 061 8860561	4.198.320	51,00%
02	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn	Trụ sở chính: Số 72 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM ĐT: 08 3 824 2897	1.134.721	13,78%
	Cộng		5.333.041	64,78%

Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai

c- Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm 25/12/2013

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
	Cộng	4.624.256	56,17%
01	Tổng Công ty Phát triển KCN, đại diện: + Bà Nguyễn Thị Bạch Mai: 1.728.720 cổ phần (21%). + Ông Đỗ Văn Sâm: 823.200 cổ phần (10%). + Bà Nguyễn Thị Hạnh: 823.200 cổ phần (10%). + Ông Huỳnh Ngọc Tuấn: 823.200 cổ phần (10%).	4.198.320	51,00%
02	Quỹ Đầu tư Phát triển	308.336	3,74%
03	Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	117.600	1,42%

(Cổ đông sáng lập không còn hạn chế chuyển nhượng từ 04/01/2009)

d- Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ/Số điện thoại	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
01	ANDREAS KARALL	30/42 Moo 13 Nurnplubwan Nongprue, Banglamung, Chonburi 20150, Thailand	25.870	0,314 %
02	ISAKA YOICHI	Espoir-B203, 3-9-24 Kasama, Sakae-ku, Yokohama, Kanagawa, 247-0006. Japan	1.500	0.018%
03	LIM DONGCHEOL	P2705 Topaz Tower, Saigonpearl Nguyễn Hữu Cánh, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM	2.500	0.048%
04	OGNIAN NIKOLOV	Austria: Vienna-1150: Sechshavserstrasse 85/14	12.040	0.146%
05	PETER ERIC DENNIS	RM 209, Monterey Place, Soi Paisingtoh, Bangkok Thailand 10110	7.400	0,090 %
06	TANIOKA HIROYASU	1-3-3 Nisshin-cho, Tomakomai- shi, Hokkaido, Japan	110	0,0013 %

07	THOMAS BRIEM	Swiss Post Box 58685 Industriestrasse 31, 6923 Lauterbach Austria	600	0.007%
08	WILLEM STUIVE	Sluispolderweg 11, 1505, HJ Zaandam, NL	22.000	0.267 %
09	YUN SEOK WON	1405, 17T6, Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	1.600	0.019%
	Cộng		73.620	0,91%



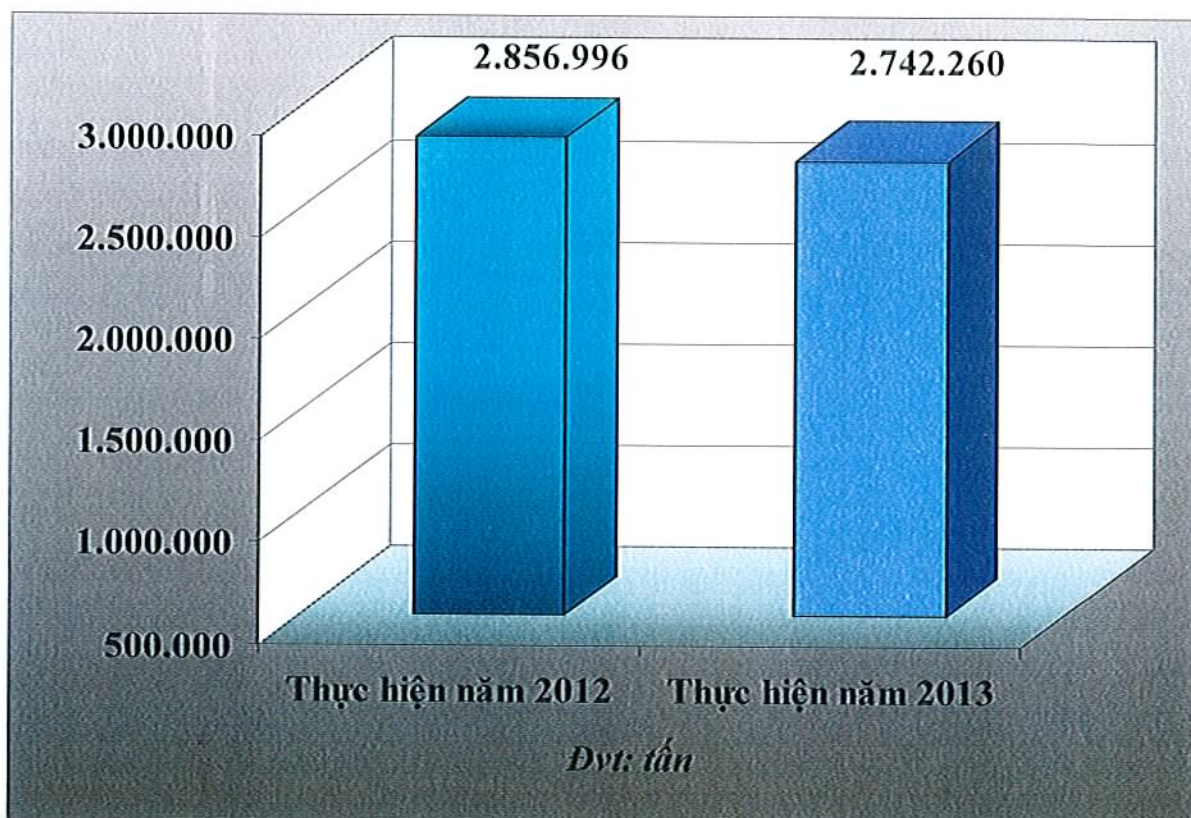
DONG NAI PORT

PHẦN III
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

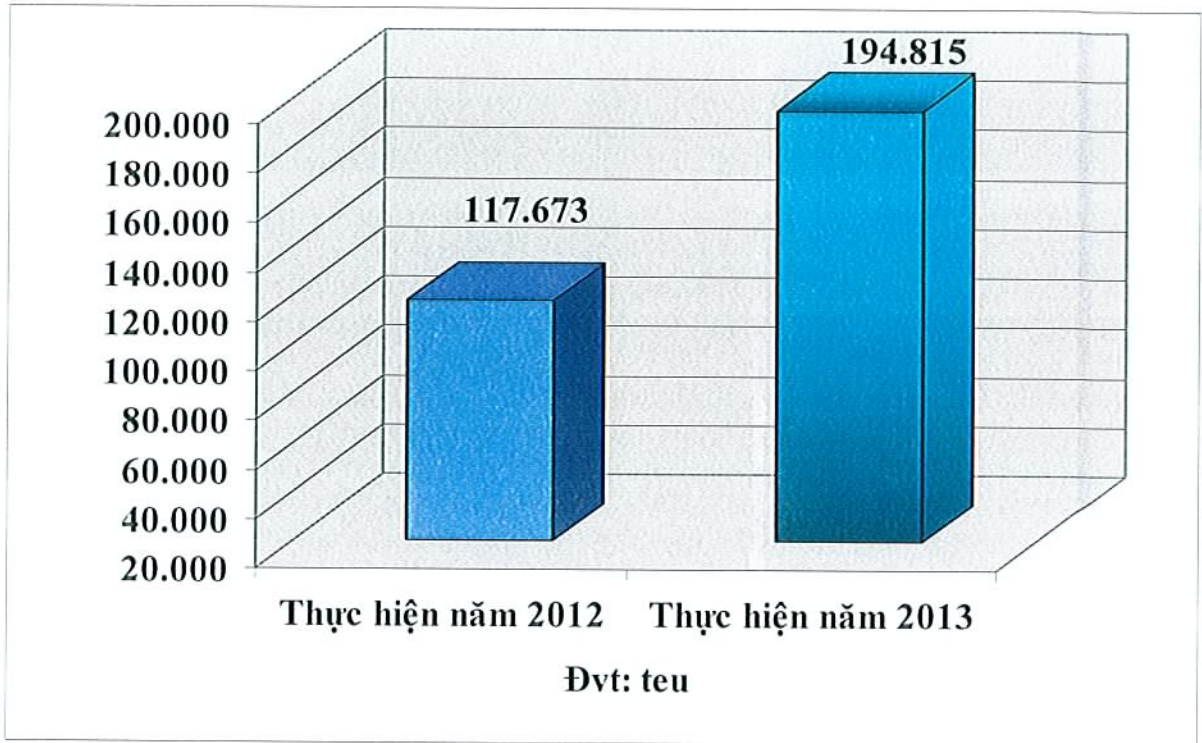
1- ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY

Năm 2013 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước đang trong giai đoạn phục hồi sau suy thoái kinh tế. Tuy nhiên việc phục hồi chưa mạnh mẽ, vì vậy các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn còn bị ảnh hưởng, về kết quả hoạt động kinh doanh trong năm được thể hiện ở một số chỉ tiêu sau:

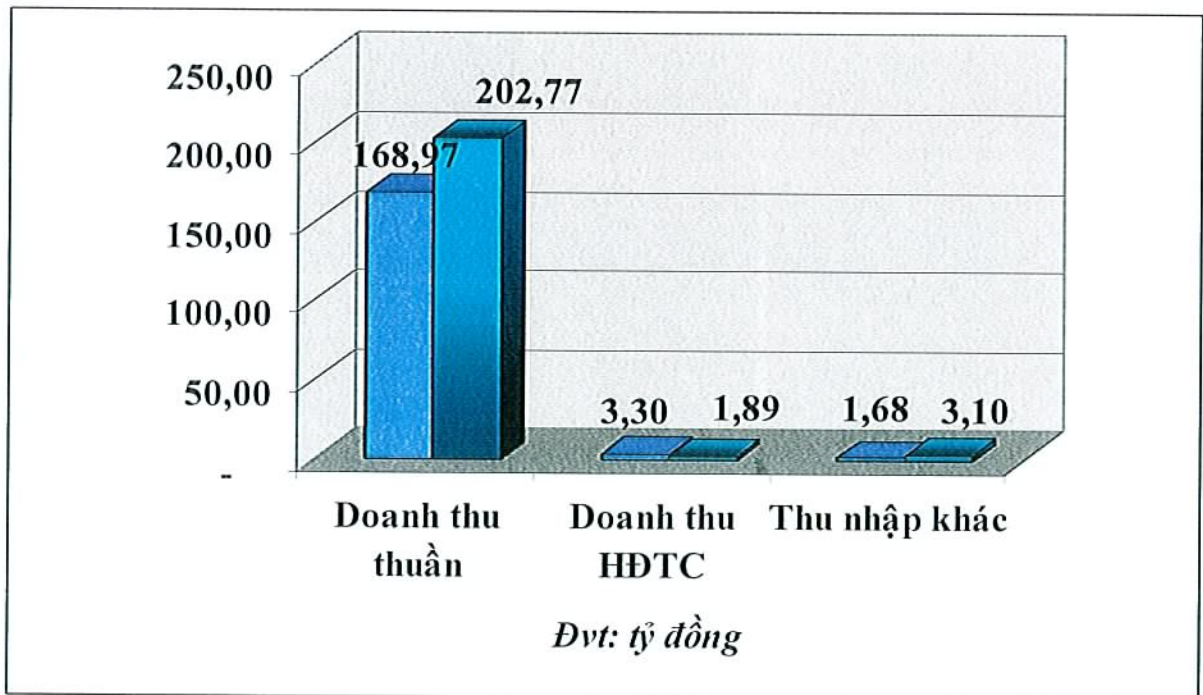
- Sản lượng hàng tổng hợp: 2.742.260 tấn, đạt 95,98% so cùng kỳ



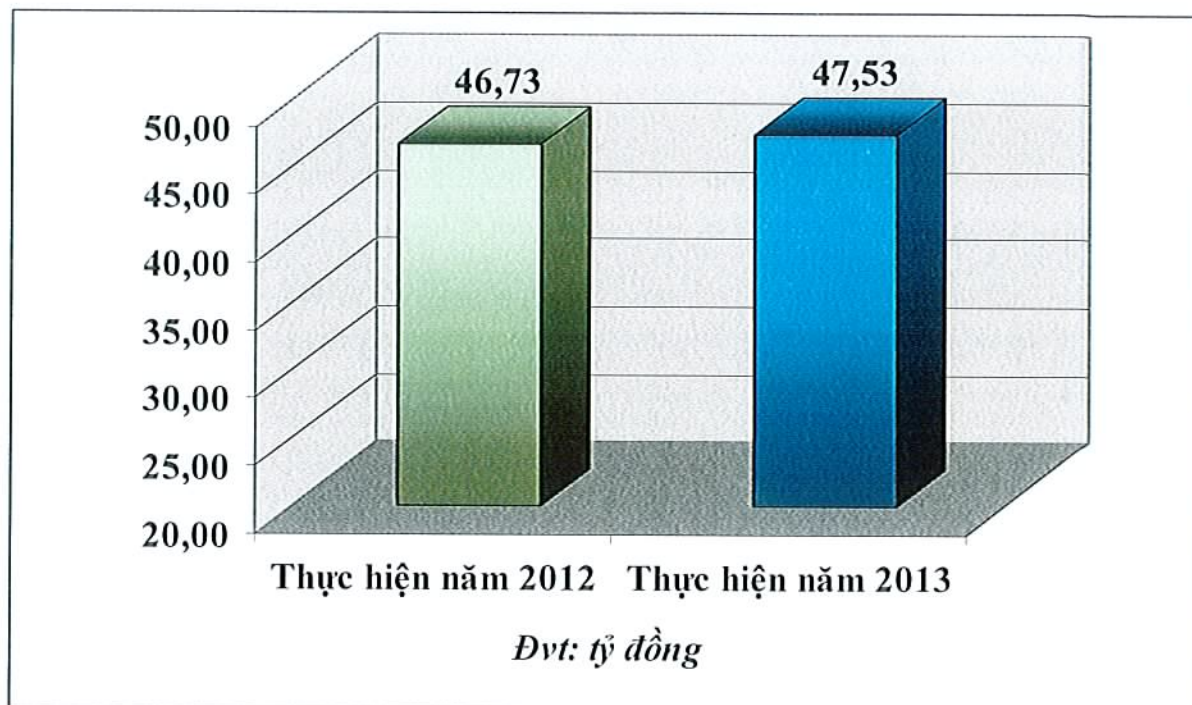
- Sản lượng hàng container: 194.815 teus, đạt 165,56% so cùng kỳ



- Doanh thu thuần: 207.758 tỷ đồng, đạt 119,44% so cùng kỳ



- Lợi nhuận trước thuế: 47.532 tỷ đồng, đạt 101,72% so với năm 2012



Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2013:

- Năm 2013 là năm đầy biến động và khó khăn bởi sự ảnh hưởng của việc suy thoái kinh tế toàn cầu. Nhìn chung tình hình tăng trưởng kinh tế chậm lại, thất nghiệp tăng cao, sức mua hạn chế, nợ công nhiều hơn, quan hệ về đầu tư và xuất nhập khẩu của các nước với Việt Nam về cơ bản chưa có gì khởi sắc.
- Khó khăn của nền kinh tế mà trực tiếp là lãi suất tăng cao, giá cả đầu vào tăng mạnh, thị trường co hẹp, nhà nước tiết giảm đầu tư, dân cắt giảm chi tiêu... một bộ phận lớn Doanh nghiệp đã vấp phải nhiều khó khăn dẫn đến phá sản. Với những khó khăn về tình hình thị trường kinh tế như trên, kéo theo đó là sự ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- Tuy nhiên Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai có vị trí địa lý thuận lợi, thị phần hàng hóa dồi dào. Ngoài ra công ty có được một số khách hàng truyền thống lâu dài.
- Sự hỗ trợ của các cảng biển phía Nam trong Hiệp hội cảng biển Việt Nam đã kết nối với các cảng nước sâu để trung chuyển hàng container bằng sà lan.
- Đội ngũ quản lý được trẻ hóa, năng động, phong cách làm việc khoa học và bắt đầu chuyên nghiệp hơn. Sự đoàn kết thống nhất trong ty đã tập trung được toàn bộ nguồn lực, trí tuệ của đội ngũ cán bộ, triển khai thực hiện chiến lược và các chương trình hành động

của công ty; đồng thời xây dựng chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với mô hình sản xuất.

- Các bộ phận trực tiếp tiếp xúc với khách hàng không gây phiền nhiễu cho khách hàng. Các bộ phận hỗ trợ sản xuất triển khai mọi công việc ưu tiên cho sản xuất vì thế hàng hóa xếp dỡ tại cảng được thuận tiện.

2- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua ngày 25/04/2013 về việc giao cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai thực hiện nhiệm vụ SXKD với các chỉ tiêu sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	% TH/ KH
Sản lượng hàng tổng hợp	Tấn	3.300.000	2.742.260	83,10
Sản lượng hàng container	Teu	180.000	194.815	108,23
Tổng doanh thu	Tr đồng	190.000	207.758,27	109,35
Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	46.000	47.532,21	103,33
Nộp ngân sách (số phải nộp)	Tr đồng	13.235	13.554,48	102,41
Cổ tức	%	20	20	100

3- NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM

- Trong năm 2013 Công ty đã tập trung trong việc xây dựng chính sách bán hàng: Áp dụng cho khách hàng mới, khách hàng có sản lượng cao, thực hiện các cam kết khách hàng theo các điều khoản trong hợp đồng, xác bảo khối lượng đối với khách hàng đúng theo hợp đồng. Ngoài ra, công ty đã tập trung phân tích thị trường và nhu cầu khách hàng để tìm ra các giải pháp nhằm thu hút khách hàng.

- Ngoài việc xây dựng chính sách bán hàng phù hợp, Công ty đã thực hiện phân khúc khách hàng: theo tiêu chí khách hàng có đầu tư vào cảng, khách hàng có chi phí đường bộ đến cảng thấp nhất, và khách hàng nhiều sự lựa chọn để thu thập nguồn thông tin và đề ra kế hoạch tiếp thị và quảng bá. Việc phân khúc khách hàng dựa theo mức độ hấp dẫn của Cảng đối với khách hàng và sản lượng khách hàng cam kết thực hiện để thiết lập chính

sách bán hàng linh hoạt, hiệu quả và ổn định => điều này đảm bảo sản lượng hàng qua cảng ổn định.

- Năm 2013 mặc dù tình hình kinh tế cả nước nói chung và Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai nói riêng gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn hoàn thành kế hoạch đề ra đối với hàng container, cụ thể: sản lượng container năm 2013 tăng 108,23% so với kế hoạch đề ra đầu năm.
- Trong năm 2013 đã hoàn thành công tác xây dựng chiến lược chung và đã xác định được các mục tiêu chiến lược của công ty. Xây dựng các nhóm chiến lược hành động và sáng kiến chiến lược.
- Đã triển khai xây dựng KPI cho đội ngũ lãnh đạo và đánh giá 360 độ đối với cán bộ quản lý cấp trung trở lên để đánh giá năng lực và đo lường hiệu quả công việc.
- Đã triển khai xây dựng quy chế lương mới và KPI cho từng vị trí.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp với các chương trình: xây dựng sở tay văn hóa, thành lập nhóm thủ lĩnh tinh thần, phát động các phong trào văn hóa công sở, làm bảng tin nội bộ...

4- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY:

a) Tình hình tài sản:

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng.
- Giá trị tài sản cố định theo Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I.	Tài sản cố định hữu hình	325.731.148.988	127.976.095.564	197.755.053.424
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	245.652.837.530	100.763.784.430	144.889.053.100
2	Máy móc thiết bị	38.828.694.231	9.179.052.909	29.649.641.322

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
3	Phương tiện vận tải	37.062.017.339	15.910.343.016	21.151.674.323
4	Dụng cụ quản lý	3.014.046.251	1.433.824.656	1.580.221.595
5	TSCĐ khác	1.173.553.637	689.090.553	484.463.084
II.	Tài sản cố định vô hình	2.138.963.207	1.999.129.880	139.833.327
1	Quyền sử dụng đất	1.818.363.207	1.818.363.207	0
2	Phần mềm máy tính, khác	320.600.000	184.766.673	139.833.327
3	TSCĐ vô hình khác	0	0	0

Nguồn: BCTC 2013 (đã kiểm toán) Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai

b) Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013
Nợ ngắn hạn	66.529.540.709	75.682.155.917
Vay và nợ ngắn hạn	23.412.724.581	33.744.873.730
Phải trả người bán	20.718.562.190	14.485.413.287
Người mua trả tiền trước	21.309.621	44.667.202
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.259.662.839	703.706.958
Phải trả người lao động	10.620.595.366	12.010.559.695
Chi phí phải trả	59.678.045	817.787.062
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.117.390.752	10.458.485.923
Quỹ khen thưởng phúc lợi	319.617.315	3.416.662.060
Nợ dài hạn	26.229.368.576	6.912.256.829
Vay và nợ dài hạn	22.947.200.000	5.790.000.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	3.282.168.576	1.122.256.829
Tổng cộng	92.758.909.285	82.594.412.746

Nguồn: BCTC 2013 (đã kiểm toán) Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai

5- TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai được đánh giá là một cảng có quy mô tương đối lớn, với sản lượng xếp dỡ hàng năm tăng trưởng trên 15%, doanh số hàng năm đều phát triển năm sau cao hơn năm trước. So với các doanh nghiệp khác trong ngành, Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai có những ưu thế nhất định mà không phải doanh nghiệp nào cũng có

được.

+ Về vị trí địa lý:

- Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai tọa lạc tại khu vực tứ giác kinh tế (Đồng Nai – Bình Dương – Vũng Tàu – Tp.HCM) được xem là năng động nhất nước. Nơi tập trung rất nhiều Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế, với hàng ngàn doanh nghiệp lớn nhỏ trong và ngoài nước hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ngoài ra tại khu vực Long Bình Tân được đánh giá là khu vực trung tâm cho việc vận chuyển hàng hóa container từ các ICD đến các khu công nghiệp. Tất cả các đầu mối giao thông đều đi qua khu vực này, rút ngắn khoảng cách, thời gian và chi phí vận chuyển hàng hóa đến các Công ty trong khu công nghiệp.

+ Về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tốc độ tăng trưởng doanh thu trong 5 năm gần nhất bình quân tăng 27%/năm. Bên cạnh đó công ty luôn đầu tư và phát triển bền vững, tổng tài sản tăng trưởng bình quân trong 5 năm là 15%/năm.

+ Về uy tín thương hiệu:

Với phương châm “Đồng hành cùng bạn, vươn tới tương lai” và thương hiệu 25 năm trong ngành, Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai luôn nhận được sự tín nhiệm của khách hàng. Bên cạnh đó, với những đóng góp của mình cho sự phát triển kinh tế xã hội, Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai còn nhận được những bằng khen, huân chương lao động và cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ và các cơ quan, ban ngành trong và ngoài tỉnh, cụ thể:

- Danh hiệu “Doanh nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2010 đến năm 2012” do UBND tỉnh Đồng Nai trao tặng cho Bà Nguyễn Thị Bạch Mai – TGD Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai;
- Danh hiệu “Doanh nghiệp xuất sắc năm 2013” do UBND tỉnh Đồng Nai trao tặng cho Ông Đỗ Văn Sâm – Phó TGD Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai;
- Danh hiệu “Nữ doanh nhân Việt Nam tiêu biểu – Cúp Bông hồng vàng năm 2013” do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trao tặng cho Bà Nguyễn Thị Bạch Mai – TGD Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai;
- Và các giải thưởng cao quý khác...



+ Về tín nhiệm tài chính:

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai luôn nhận được sự tín nhiệm về tài chính của các định chế tài chính cũng như các đối tác kinh doanh với Công ty.

+ Về nguồn nhân lực:

Ban lãnh đạo và đội ngũ CBCNV Công ty có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm trong ngành, tâm huyết, gắn bó với Công ty, luôn nỗ lực cống hiến vì sự thành công của Công ty.



DONG NAI PORT

PHẦN IV
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1- ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

- HĐQT đã giám sát chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2013 đặt ra. Trong năm 2013 Hội đồng quản trị đã ban hành 13 Nghị quyết đề điều hành hoạt động.
- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2013 (chi tiết như bảng số liệu ở trên)
- Thực hiện theo điều lệ Công ty, hàng quý HĐQT Công ty đều tổ chức các cuộc họp để thảo luận và biểu quyết các nội dung thuộc trách nhiệm của HĐQT. Ngoài các cuộc họp định kỳ, HĐQT cũng có những cuộc họp đột xuất hoặc lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản để xử lý các công việc.
- Tất cả các cuộc họp của HĐQT đều có các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp. Các thành viên HĐQT đều tham dự họp đầy đủ.
- Ngoài ra HĐQT đã ban hành các quy chế, quy định theo trách nhiệm của HĐQT để điều hành các công việc theo quy định của Điều lệ Công ty

2- ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

- Kết quả giám sát các hoạt động điều hành công ty của Tổng Giám đốc luôn thực hiện theo nội dung các Nghị quyết đã ban hành của HĐQT.
- Trong năm 2013 Công ty đã thực hiện các báo cáo định kỳ và đột xuất theo các nội dung quy định và yêu cầu của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM dành cho các công ty niêm yết.

3- KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- a. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành, thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ, quyền hạn được quy định.
- Hàng quý Hội đồng quản trị sẽ tổ chức các phiên họp định kỳ để thảo luận, nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Qua các báo cáo, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban điều hành, Hội đồng quản trị sẽ có những ý kiến đóng góp trong điều hành và chỉ đạo.

- Ngoài ra Hội đồng quản trị sẽ tổ chức các phiên họp bất thường nếu có đề giải quyết, xử lý các phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; theo đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

b. Định hướng phát triển của Công ty:

- Xác định các chiến lược lâu dài và chiến lược trước mắt của Công ty, tập trung vào sáng kiến chiến lược và chiến lược hành động để chi đạo và tạo điều kiện cho Ban điều hành.

- Chi đạo Ban điều hành để hoàn thành các chương trình mục tiêu được xây dựng theo chiến lược lâu dài và chiến lược trước mắt. Có chương trình hành động cụ thể và duy trì các chương trình hành động để đưa chiến lược của Công ty vào hoạt động.

- Định hướng và đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty theo chương trình chiến lược đã xây dựng.

- Áp dụng Công nghệ thông tin để xây dựng hệ thống quy trình, quy chế đáp ứng điều hành, quản lý, giám sát chặt chẽ sản xuất, làm tốt công tác quản trị.

- Xây dựng kế hoạch, mục tiêu hành động cho từng tháng, từng quý, hàng năm; có chỉ tiêu đo lường cụ thể.

- Triển khai hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty để tăng cường việc kiểm tra, giám sát. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, tiến hành phân tích, đánh giá, dự báo đảm bảo thực hiện đúng định hướng phát triển và đảm bảo tiến độ kế hoạch; phát hiện những vướng mắc để đề xuất với Ban lãnh đạo kịp thời giải quyết.

- Hiện nay với cơ sở hạ tầng và thiết bị bốc xếp hiện hữu thì Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai chưa đáp ứng kịp nhu cầu hàng hóa thông qua, đặc biệt là hàng container. Do đó việc đầu tư mở rộng cảng Đồng Nai ở khu vực Long Bình Tân và Cảng Gò Dầu là cần thiết và hợp lý, đầu tư xây dựng thêm cầu bến, kho, bãi chứa hàng, cùng các công trình phụ trợ khác, thiết bị bốc xếp phục vụ khai thác hàng tổng hợp và container nhằm đáp ứng nhu cầu hàng hóa trong khu vực. Trong năm 2014 Công ty sẽ tiếp tục triển khai thực hiện các dự án để mở rộng và phát triển cảng.



PHẦN V
QUẢN TRỊ CÔNG TY




I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



(Lý lịch trích ngang của các thành viên HĐQT kèm theo)



ÔNG ĐỖ VĂN SÂM CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Lý lịch trích ngang đã nêu trong mục Ban TGD

	<p>BÀ NGUYỄN THỊ BẠCH MAI – PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT <i>Lý lịch trích ngang đã nêu trong mục Ban TGD</i></p>
	<p>ÔNG NGUYỄN NGỌC TUẤN – THÀNH VIÊN HĐQT <i>Lý lịch trích ngang đã nêu trong mục Ban TGD</i></p>
	<p>ÔNG PHAN TRỌNG DŨNG – THÀNH VIÊN HĐQT</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 06/1994 – 09/1995 Chuyên viên Quản lý Tài chính doanh nghiệp Sở tài chính Đồng Nai. ▪ 09/1995 – 10/1999 Phó phòng Nghiệp vụ I Cục quản lý Vốn – Tài sản Nhà Nước tại doanh nghiệp Đồng Nai. ▪ 10/1999 – 5/2004 Phó phòng Nghiệp vụ I Chi cục Tài chính doanh nghiệp Đồng Nai. ▪ 5/2004 – 2/2006 Phó phòng Kế hoạch tổng hợp Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai. ▪ 2/2006 – Nay Thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Đồng Nai, Phó Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai.



ÔNG HUỖNH NGỌC TUẤN – THÀNH VIÊN HĐQT

- 06/1995 – 09/2005: nhân viên kế toán, xuất nhập khẩu Công ty May Công nghiệp Đồng Nai
- 10/2005 – 11/2006 : nhân viên kế toán Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai
- 12/2006 – 27/04/2011: Trưởng ban tài vụ Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai
- 28/04/2011 – 10/2011: Thành viên HĐQT, Trưởng ban tài vụ Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai
- 10/2011 – Nay: Thành viên HĐQT, Phó phòng Tài chính – Kế toán Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai

Hội Đồng Quản Trị và Ban điều hành, quản lý:

Các thành viên Hội Đồng Quản Trị:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Sâm	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên HĐQT

Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên BKS
Ông Phạm Văn Huy	Thành viên BKS

- Hội đồng hoạt động theo quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại điều lệ của công ty.
- Để thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, HĐQT đã phân công cụ thể cho từng thành viên phụ trách từng lĩnh vực theo chuyên môn nghiệp vụ của mình, cụ thể:
 - Ông Đỗ Văn Sâm - Chủ tịch HĐQT: điều hành chung, phụ trách công tác đầu tư xây dựng cơ bản, hợp tác kỹ thuật.
 - Bà Nguyễn Thị Bạch Mai - phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc: phụ trách công tác quy hoạch, tổ chức, kế hoạch và điều hành hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
 - Ông Huỳnh Ngọc Tuấn ủy viên HĐQT: phụ trách công tác tài chính và đầu tư chứng khoán.
 - Ông Nguyễn Ngọc Tuấn, ủy viên HĐQT: phụ trách công tác sản xuất kinh doanh.
 - Ông Phan Trọng Dũng, ủy viên HĐQT: phụ trách công tác đối ngoại, kiểm tra, thanh tra hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai và đầu tư tài chính.

I. BAN KIỂM SOÁT



BÀ NGUYỄN THỊ HẠNH – TRƯỞNG BKS

- 11/1997-03/2001 Nhân viên kế toán Công ty Phát triển KCN Biên Hòa.
- 04/2001- 03/2004 Nhân viên kế toán Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển Bình Dương.
- 04/2004- 09/2004 Nhân viên kế toán Công ty Phát triển KCN BH
- 10/2004- 08/2005 Kế toán trưởng XN Phát triển Nhà Sonadezi – Công ty Phát triển KCN Biên hòa.
- 09/2005-12/2007 Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Phát triển KCN Biên hòa.
- 01/2008- 05/2009 Kế toán trưởng XN Dịch vụ KCN Sonadezi – Công ty Phát triển KCN Biên hòa.
- 06/2009 – 06/2010: Trưởng ban Kiểm soát Công ty Phát triển KCN Biên Hòa. Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- 07/2010 đến nay: Thành viên Hội đồng Thành viên Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp. Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai

	<p>ÔNG PHẠM VĂN HUY – THÀNH VIÊN BKS</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 1998 – 5/1999: Nhân viên Điều độ phân Cảng GDB tại Cảng Đồng Nai ▪ 6/1999 – 6/2000: Phụ trách ban điều độ phân Cảng Gò Dầu B tại Cảng Đồng Nai ▪ 7/2000 – 12/2005: Trưởng ban Điều độ nay là Ban khai thác Điều độ Cảng Gò Dầu B tại Cảng Đồng Nai ▪ 12/2005 – 7/2009: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng ban Khai thác Điều độ Cảng Gò Dầu B tại Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai ▪ 8/2009 – 09/2010: Thành viên Ban kiểm soát, Phó Giám đốc kiêm Trưởng ban Khai thác Điều độ Cảng Gò Dầu B tại Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai ▪ 10/2010 – 2/2012: thành viên Ban kiểm soát, Phó phòng kinh doanh Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai. ▪ 3/2012 – 10/2012: thành viên Ban kiểm soát, phụ trách phòng Kinh doanh Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai. ▪ 11/2012 – Nay: thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Kinh doanh Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai
	<p>BÀ HOÀNG THỊ THU THỦY – THÀNH VIÊN BKS</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 08/1999 – 4/2004: Chuyên viên phòng Nghiệp vụ 3 chi cục tài chính doanh nghiệp ▪ 05/2004 – 2011: Chuyên viên phòng kế toán Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai ▪ Từ tháng 4/2011: Thành viên Ban kiểm soát ▪ 2012 – Nay: Thành viên BKS, Trưởng phòng Hành chính – Tổ chức Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên, hoạt động theo quyền và nhiệm vụ được quy định tại điều lệ công ty, cụ thể:

- Trưởng ban kiểm soát, đại diện phần vốn nhà nước.
- Thành viên ban kiểm soát, đại diện phần vốn CBCNV.
- Thành viên ban kiểm soát, đại diện phần vốn cổ đông ngoài.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Hội đồng quản trị điều hành theo đúng điều lệ của Công ty, triển khai họp thường kỳ một quý một lần và các cuộc họp đột xuất đề theo dõi, chỉ đạo và đôn đốc Tổng Giám Đốc điều hành Công ty đúng theo nghị quyết của HĐQT.
- Ban Kiểm soát Công ty thực hiện theo đúng điều lệ quy định của Công ty, một năm kiểm soát hoạt động của Công ty 2 lần vào 6 tháng đầu năm và cuối năm, tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý và đột xuất của HĐQT.
- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh, cắt giảm chi phí, đưa ra ý kiến cảnh báo về rủi ro trong hoạt động và đóng góp ý kiến đề công tác quản lý, sử dụng tài sản và nguồn lực đạt hiệu quả hơn.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị. Các thành viên HĐQT kiêm nhiệm các công việc và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của HĐQT.

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

Thù lao của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định, theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2013, thù lao được giải quyết cho các đối tượng trên như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đ/tháng; Phó chủ tịch: 2.500.000 đ/tháng
- Ủy viên HĐQT: 2.000.000 đ/tháng;
- Trưởng ban kiểm soát: 2.000.000đ/tháng; kiểm soát viên: 1.500.000 đ/tháng
- Hội đồng quản trị có 5 thành viên, tất cả các cá nhân có bằng, chứng chỉ quản trị công ty.
- Ban Tổng Giám đốc có 3 người, tất cả các cá nhân có bằng, chứng chỉ quản trị công ty.

QUYỀN LỢI CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG. TIỀN LƯƠNG, THUỞNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ CÁC QUYỀN LỢI KHÁC CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Ban Tổng Giám Đốc điều hành hoạt động kinh doanh trên cơ sở quyền và nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ hoạt động của công ty,
- Về chính sách tiền lương của ban Tổng Giám Đốc được giải quyết vận dụng chi trả theo Nghị định 207/2004/NĐ-CP ban hành ngày 14/12/2014 và Nghị định 51/2013/NĐ-CP ban hành ngày 14/5/2013.

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN/VỐN GÓP VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NẤM GIỮ CỔ PHẦN/VỐN GÓP CỦA THÀNH VIÊN HĐQT:

Tính đến ngày 20/03/2014 tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT như sau:

HỌ VÀ TÊN	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU %	GHI CHÚ
1- Đỗ Văn Sâm	861.344	10,40	
- Sở hữu	38.144	0,40	
- Đại diện sở hữu	823.200	10,00	Tổng Công ty Phát triển khu Công nghiệp
2- Nguyễn Thị Bạch Mai	1.740.906	21,14	
- Sở hữu	12.186	0,14	
- Đại diện sở hữu	1.728.720	21,00	Tổng Công ty Phát triển khu Công nghiệp
3- Huỳnh Ngọc Tuấn	824.880	10,02	
- Sở hữu	1.680	0,02	
- Đại diện sở hữu	823.200	10,00	Tổng Công ty Phát triển khu Công nghiệp
4- Nguyễn Ngọc Tuấn	37.520	0,45	
- Sở hữu	37.520	0,45	
5- Phan Trọng Dũng	308.336	3,74	
- Đại diện sở hữu	308.336	3,74	Quỹ đầu tư Phát Triển Đồng Nai

CÁC GIAO DỊCH CỦA NHỮNG NGƯỜI LIÊN QUAN ĐẾN HĐQT, BKS VÀ BAN TGD:

- Giao dịch cổ phiếu /chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty của các thành viên HĐQT, Ban Giám Đốc điều hành, Ban kiểm soát/kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (<i>mua, bán, chuyển đổi, thưởng...</i>)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Long Hưng	Con Bà Nguyễn Thị Bạch Mai – Phó Chủ tịch HĐQT	0	0%	44.416	0,539%	Mua vào cổ phiếu
2	Võ Thị Trung	Mẹ của Bà Nguyễn Thị Hạnh – Trưởng ban kiểm soát	6.390	0,08%	0	0%	Bán CP để giải quyết lý do tài chính

Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên HĐQT, Ban Giám Đốc điều hành, Ban kiểm soát/kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

(Không có)

Các giao dịch khác: (*các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty*):

(không có)

BÁO CÁO CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2013:

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị :

1. Các cuộc họp của HĐQT:

Thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty, hàng quý HĐQT đều tổ chức các cuộc họp định kỳ và các cuộc họp đột xuất khi có yêu cầu. Năm 2013 HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp, tất cả các thành viên của HĐQT và BKS đều tham dự họp đầy đủ.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Đỗ Văn Sâm	Chủ tịch HĐQT	6	100%	Không có
2	Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Phó chủ tịch HĐQT	6	100%	“
3	Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT	6	100%	“
4	Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên HĐQT	6	100%	“
5	Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT	6	100%	“

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

- Hội đồng quản trị giám sát Ban Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- Việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT đúng thời gian, kịp thời, đảm bảo chất lượng.
- Hàng tháng, hàng quý Ban giám đốc Công ty đều lập báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các báo cáo theo quy định của quy chế hoạt động của HĐQT gửi cho các thành viên HĐQT, kịp thời xử lý các công việc xảy ra thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

II. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2013:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2013/NQ-HĐQT	05/02/2013	Trích quỹ khen thưởng ban điều hành năm 2012 để thưởng cho các thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban kiểm soát và các cá nhân đã góp phần vào việc hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh năm 2012 của Công ty
2	02/2013/NQ-HĐQT	05/02/2013	- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2012 - Thông qua lịch tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 - Báo cáo công tác tổ chức, quy hoạch của Công ty
3	03/2013/BB-HĐQT	18/04/2013	- Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 - Phân công công việc chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 - Thông qua hồ sơ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 - Thông qua chiến lược của công ty giai đoạn

			2012 – 2016 - Báo cáo tình hình hoạt động Quý 1.2013, kế hoạch Quý 2.2013
4	05/2013/NQ-HĐQT	10/06/2013	Nghị quyết của HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty
5	06/2013/NQ-HĐQT	24/06/2013	Nghị quyết của HĐQT về việc thôi cử nhân sự làm người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai vào Công ty cổ phần dịch vụ hàng hải Đồng Nai
6	07/2013/NQ-HĐQT	24/06/2013	Nghị quyết của HĐQT về việc cử nhân sự làm người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai vào Công ty cổ phần dịch vụ hàng hải Đồng Nai
7	08/2013/NQ-HĐQT	24/06/2013	Trích quỹ khen thưởng ban điều hành năm 2012 để tặng quà cho Bà Nguyễn Thị Kim Chi là phó Tổng Giám đốc Tài chính đã góp phần vào việc xây dựng và phát triển công ty trong các năm qua nay nghỉ hưu theo chế độ
8	09/2013/NQ-HĐQT	24/06/2013	Thông nhất việc vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – CN Biên Hòa
9	11/2013/NQ-HĐQT	07/08/2013	Báo cáo hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2013 và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2013
10	12/2013/NQ-HĐQT	07/08/2013	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền chi trả cổ tức lần cuối năm 2012
11	14/2013/NQ-HĐQT	29/10/2013	Báo cáo tình hình SXKD 9 tháng đầu năm 2013 và ước thực hiện những tháng còn lại của năm 2013
12	15/2013/NQ-HĐQT	29/10/2013	Thông nhất chủ trương chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp đầu tư tại Công ty cổ phần dịch vụ hàng hải Đồng Nai là 633.150 cổ phần tương đương với 28% vốn điều lệ của Công ty cổ phần dịch vụ hàng hải Đồng Nai cho Công ty TNHH hàng hải Biển Đông
13	17/2013/NQ-HĐQT	09/12/2013	Thông nhất thời gian chốt danh sách cổ đông để tiến hành tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2013 cho cổ đông

Nguồn: BC Quản trị 2013 Công ty CP Cảng Đồng Nai



DONG NAI PORT

PHẦN VI

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

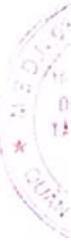


CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)
29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Tel: (84-8) 39103908; 39104881 - Fax: (84-8) 39104880

00
T
A
G
A
C
E

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 33



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Khái quát

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3004 ngày 24/08/2005 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Giấy đăng ký kinh doanh số 4703000301 đăng ký lần đầu ngày 04/01/2006, đăng ký thay đổi lần 2 số 3600334112 ngày 27/10/2009, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 27/12/2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hoạt động của Công ty là: Kinh doanh khai thác cầu cảng, kho bãi. Dịch vụ sửa chữa phương tiện bốc xếp và vận tải. Đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải. Dịch vụ bốc xếp hàng hóa. Vận tải hàng hóa đường thủy, đường bộ. Mua bán xăng, dầu, nhớt, dầu nhớt. Mua bán, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, nông sản (trừ hạt điều, bông vải), sắt, thép, gỗ tròn (từ nguồn gỗ hợp pháp). Vận chuyển hành khách bằng taxi. Mua bán vật liệu xây dựng (đất, đá, sỏi, cát). Tổ chức các dịch vụ giải trí cho thuyền viên (cửa hàng miễn thuế, câu lạc bộ thủy thủ). Khảo sát thiết kế và thi công công trình thủy (cảng, cầu tàu, đường giao thông trong cảng). Đầu tư kinh doanh hạ tầng và nhà đất.

Trụ sở chính của Công ty tại Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị:

Ông Đỗ Văn Sâm	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Ủy viên
Ông Phan Trọng Dũng	Ủy viên
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc:

Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Tổng Giám đốc	Đến 01/07/2013
Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Hạnh	Trưởng ban
Ông Phạm Văn Huy	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cang Đồng Nai phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty được trình bày từ trang 06 đến trang 33 kèm theo



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Đỗ Văn Sâm
Chủ tịch

Đồng Nai, ngày 19 tháng 02 năm 2014



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bạch Mai
Tổng Giám đốc

Số: 40 BCKT TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, được lập ngày 19/02/2014, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Phó Giám đốc:



Cao Thị Hồng Nga
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0613-2013-
152-1

Kiểm toán viên

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized initials.

Nguyễn Anh Tuấn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1559-2013-
152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		66.597.867.133	83.127.964.303
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	25.244.039.899	28.464.753.971
1. Tiền	111		8.254.136.259	5.192.010.771
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.989.903.640	23.272.743.200
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.913.724.401	51.368.780.332
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	30.036.214.037	33.574.817.140
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	6.765.302.041	18.784.669.118
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	6.047.783.635	2.109.439.105
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.935.575.312)	(3.100.145.031)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	101.384.093	110.879.290
1. Hàng tồn kho	141		101.384.093	110.879.290
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.338.718.740	3.183.550.710
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		626.774.837	2.126.623.510
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	652.946.297
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	711.943.903	403.980.903
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		306.107.839.351	252.707.002.760
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		262.013.808.453	203.581.349.252
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	197.755.053.424	155.900.075.892
- Nguyên giá	222		325.731.148.988	272.180.079.536
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(127.976.095.564)	(116.280.003.644)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	139.833.327	155.166.659
- Nguyên giá	228		2.138.963.207	2.175.963.207
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.999.129.880)	(2.020.796.548)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	64.118.921.702	47.526.106.701
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	22.165.000.000	29.551.750.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		15.165.000.000	22.551.750.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		7.000.000.000	7.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		21.929.030.898	19.573.903.508
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	21.929.030.898	19.573.903.508
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		372.705.706.484	335.834.967.063

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		92.758.909.285	82.594.412.746
I. Nợ ngắn hạn	310		66.529.540.709	75.682.155.917
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	23.412.724.581	33.744.873.730
2. Phải trả người bán	312	V.13	20.718.562.190	14.485.413.287
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	21.309.621	44.667.202
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	1.259.662.839	703.706.958
5. Phải trả người lao động	315		10.620.595.366	12.010.559.695
6. Chi phí phải trả	316	V.16	59.678.045	817.787.062
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	10.117.390.752	10.458.485.923
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		319.617.315	3.416.662.060
II. Nợ dài hạn	330		26.229.368.576	6.912.256.829
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	22.947.200.000	5.790.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		3.282.168.576	1.122.256.829
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		279.946.797.199	253.240.554.317
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	279.946.797.199	253.240.554.317
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		82.319.980.000	82.319.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		74.434.806.545	74.434.806.545
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		73.323.843.424	54.250.394.320
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.330.116.999	7.223.309.890
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.312.671.428	627.225.741
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		38.225.378.803	34.384.837.821
8. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		372.705.706.484	335.834.967.063

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		47.096,59	46.914,85
+ EUR		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Vũ Thị Quỳnh Trang

Đồng Nai, ngày 19 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng

Võng Thị Thủy Phượng



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bạch Mai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	202.767.978.517	168.968.537.254
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		202.767.978.517	168.968.537.254
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	124.016.156.930	94.382.334.589
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		78.751.821.587	74.586.202.665
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.887.387.141	3.299.423.490
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.730.108.335	1.792.569.658
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.684.653.790</i>	<i>1.781.952.438</i>
8. Chi phí bán hàng	24		6.535.048.491	5.907.734.917
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.359.440.382	24.163.682.201
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		46.014.611.520	46.021.639.379
11. Thu nhập khác	31	VI.5	3.102.906.391	1.676.941.318
12. Chi phí khác	32	VI.6	1.585.300.775	970.744.224
13. Lợi nhuận khác	40		1.517.605.616	706.197.094
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.532.217.136	46.727.836.473
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	2.646.364.037	2.218.992.233
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		44.885.853.099	44.508.844.240
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	5.453	5.407

Người lập biểu

Vũ Thị Quỳnh Trang
Đồng Nai, ngày 19 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng

Võng Thị Thủy Phượng

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Bạch Mai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

Đơn vị tính VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	47.532.217.136	46.727.836.473
2. Điều chỉnh các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	16.258.879.783	13.884.154.095
- Các khoản dự phòng	03	(164.569.719)	1.881.054.068
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(13.599.294)	(153.709.830)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.153.104.131)	(3.692.462.261)
- Chi phí lãi vay	06	4.684.653.790	1.781.952.438
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	65.144.477.565	60.428.824.983
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	6.122.651.703	(33.666.027.655)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9.495.197	(29.838.938)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	7.646.047.673	9.884.872.794
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(855.278.717)	1.481.441.165
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.689.089.892)	(1.805.046.935)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.628.907.574)	(1.740.754.674)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	2.905.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(4.812.658.962)	(4.222.269.996)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	65.936.736.993	30.334.105.744
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(65.018.121.139)	(30.442.922.902)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.381.818.182	1.020.084.527
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
4. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
5. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	1.500.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.506.937.847	2.512.563.660
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(59.629.365.110)	(26.910.274.715)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	138.424.781.685	76.700.165.164
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(131.599.730.834)	(60.872.439.484)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.366.736.100)	(7.714.412.300)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(9.541.685.249)</i>	<i>8.113.313.380</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(3.234.313.366)	11.537.144.410
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	28.464.753.971	16.773.899.731
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	13.599.294	153.709.830
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ (50+60+61)	70	25.244.039.899	28.464.753.971

Người lập biểu

Vũ Thị Quỳnh Trang

Đồng Nai, ngày 19 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng

Võng Thị Thúy Phương



Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Bạch Mai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3004 ngày 24/08/2005 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Giấy đăng ký kinh doanh số 4703000301 đăng ký lần đầu ngày 04/01/2006, đăng ký thay đổi lần 2 số 3600334112 ngày 27/10/2009, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 27/12/2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là: Kinh doanh khai thác cầu cảng, kho bãi. Dịch vụ sửa chữa phương tiện bốc xếp và vận tải. Đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải. Dịch vụ bốc xếp hàng hóa. Vận tải hàng hóa đường thủy, đường bộ. Mua bán xăng, dầu, nhớt, dầu nhờn. Mua bán, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, nông sản (tức hạt điều, bông vải), sắt, thép, gỗ tròn (từ nguồn gỗ hợp pháp). Vận chuyển hành khách bằng taxi. Mua bán vật liệu xây dựng (đất, đá, sỏi, cát). Tổ chức các dịch vụ giải trí cho thuyền viên (cửa hàng miễn thuế, câu lạc bộ thủy thủ). Khảo sát thiết kế và thi công công trình thủy (cảng, cầu tàu, đường giao thông trong cảng). Đầu tư kinh doanh hạ tầng và nhà đất.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng
Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi số.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Công ty có tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- TSCĐ khác	04 - 25 năm
- Quyền sử dụng đất	15 năm
- Phần mềm máy vi tính	03 - 06 năm

Từ năm 2012, Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm đối với 2 cầu Liebherr.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các khoản đầu tư chung khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung, tái phát hành cổ phiếu quỹ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

11. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

12. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt	807.158.513	589.149.901
Tiền gửi ngân hàng	7.446.977.746	4.602.860.870
Các khoản tương đương tiền	16.989.903.640	23.272.743.200
Cộng	25.244.039.899	28.464.753.971
2. Phải thu khách hàng	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu khách hàng tiền cung cấp dịch vụ	30.036.214.037	33.574.817.140
Cộng	30.036.214.037	33.574.817.140
3. Trả trước cho người bán	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Trả trước cho người nhận thầu xây lắp	6.332.035.189	7.088.552.493
Trả trước cho nhà cung cấp mua tài sản cố định	-	10.339.039.940
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	433.266.852	1.357.076.685
Cộng	6.765.302.041	18.784.669.118
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu khác (*)	6.047.783.635	2.109.439.105
Cộng	6.047.783.635	2.109.439.105
(*) Bao gồm:	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Phải thu lại Công ty xây dựng Số một Việt Sơn tiền ứng trước thi công công trình	-	1.208.759.715
- Phải thu tiền nhượng bán cổ phiếu của công ty TNHH Hàng Hải Biên Đông	5.886.750.000	-
- Phải thu cổ tức công ty CP DV Hàng hải Đồng Nai	-	633.150.000
- Phải thu khác	161.033.635	267.529.390
Cộng	6.047.783.635	2.109.439.105

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công cụ, dụng cụ	101.384.093	110.879.290
Cộng giá gốc hàng tồn kho	101.384.093	110.879.290
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	101.384.093	110.879.290
6. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng	711.943.903	403.980.903
Cộng	711.943.903	403.980.903

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐÔNG NAI

Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<i>Nguyên giá</i>						
Số dư đầu năm	203.578.067,39\$	39.184.165,287	25.305.921,027	3.267.830,466	844.095,361	272.180.079,536
Số tăng trong năm	42.232.399,74\$	144.705,726	15.198.158,986	375.227,275	537.190,000	58.487,681,732
- Mua sắm mới	-	144.705,726	15.198.158,986	375.227,275	537.190,000	16.255,281,987
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	42.232.399,74\$	-	-	-	-	42.232,399,74\$
Số giảm trong năm	157.629,610	500.176,782	3.442.062,674	629,011,490	207.731,724	4.936,612,280
- Thanh lý, nhượng bán	56,592,910	-	3.208,612,609	70,543,400	207.731,724	3.543,480,643
- Giảm khác (*)	101,036,700	500,176,782	233,450,065	558,468,090	-	1,393,131,637
Số dư cuối năm	245.652.837,530	38.828.694,231	37.062.017,339	3.014.046,251	1.173.553,637	325.731.148,988
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Số dư đầu năm	90.909,394,949	7.476,195,666	15.508,596,830	1,541,720,838	844,095,361	116,280,003,644
Số tăng trong năm	9,963,905,100	2,046,973,414	3,675,715,318	472,670,146	52,726,916	16,211,990,894
- Khấu hao trong năm	9,963,905,100	2,046,973,414	3,675,715,318	472,670,146	52,726,916	16,211,990,894
Số giảm trong năm	109,515,619	344,116,171	3,273,969,132	580,566,328	207,731,724	4,515,898,974
- Thanh lý, nhượng bán	21,851,152	-	3,095,852,469	70,543,400	207,731,724	3,395,978,745
- Giảm khác (*)	87,664,467	344,116,171	178,116,663	510,022,928	-	1,119,920,229
Số dư cuối năm	100.763,784,430	9,179,052,909	15,910,343,016	1,433,824,656	689,090,553	127,976,095,564
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày đầu năm	112,668,672,446	31,707,969,621	9,797,324,197	1,726,109,628	-	155,900,075,892
Tại ngày cuối năm	144,889,053,100	29,649,641,322	21,151,674,323	1,580,221,595	484,463,084	197,755,053,424

(*) Giảm do TSCĐ không đủ điều kiện ghi nhận theo TT45/2013 ngày 25/04/2013

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2012:

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2013:

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2013 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

5.668,559,560 VND
99,874,821,06\$ VND
36,980,781,714 VND

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<i>Nguyên giá</i>				
Số dư đầu năm	1.818.363.207	339.600.000	18.000.000	2.175.963.207
Mua trong năm	-	37.000.000	-	37.000.000
Số giảm trong năm (*)	-	56.000.000	18.000.000	74.000.000
Số dư cuối năm	1.818.363.207	320.600.000	-	2.138.963.207
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>				
Số dư đầu năm	1.818.363.207	184.433.341	18.000.000	2.020.796.548
Khấu hao trong năm	-	46.888.889	-	46.888.889
Số giảm trong năm (*)	-	50.555.557	18.000.000	68.555.557
Số dư cuối năm	1.818.363.207	180.766.673	-	1.999.129.880
<i>Giá trị còn lại</i>				
Tại ngày đầu năm	-	155.166.659	-	155.166.659
Tại ngày cuối năm	-	139.833.327	-	139.833.327

(*) Giảm do TSCĐ không đủ điều kiện ghi nhận theo TT45/2013 ngày 25/04/2013

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	64.118.921.702	47.526.106.701
- Mở rộng cảng Gò Dầu B giai đoạn 2	3.067.468.113	1.093.540.683
- Bến tàu 30.000 DWT Gò Dầu B	407.325.834	407.325.834
- Mở rộng Cảng DN giai đoạn II	943.056.152	743.892.932
- Chi phí đền bù mở rộng Cảng Đồng Nai Giai đoạn 2 (09 ha)	32.130.318.673	32.130.318.673
- Hạng mục san lấp bãi 5,2 ha	-	5.307.975.993
- Hạng mục nâng cấp bến 2.000DWT lên 5.000DWT- phân đoạn 1	113.418.053	113.418.053
- Nạo vét vùng thủy điện trước cầu A1,A3	33.200.000	1.327.242.038
- Cảng Phước Thái	-	11.342.175
- Sửa chữa bến B1	-	669.599.753
- Móng nền nhà kho CFS	-	3.377.546.438
- Nạo vét duy tu vùng nước trước bến B3	2.329.704.728	117.226.818
- Thảm nhựa bãi B1	-	1.061.548.182
- Dự án tổng hợp cảng GDB	11.896.925	554.750
- Đường từ cổng cảng vào công ty Cát Phú	-	30.587.358
- Bãi container KV1	-	5.770.000
- Khu dịch vụ vận phòng cảng LBT	217.850.000	217.850.000
- Hệ thống thông tin quản trị nguồn lực doanh nghiệp	1.134.775.784	340.432.735
- Mở rộng cảng DN giai đoạn 1	112.457.575	35.184.848
- Xe nâng container Kalmar Reachstacker Contchamp DRF450-6055M	-	11.667.000
- San lấp bãi 4.757 m2	789.167.554	-
- Bến sà lan 3000DWT	68.433.636	-
- Tường rào bãi container KV1	8.118.362	-
- Hệ thống thoát nước bãi container KV1	584.260.995	-
- Bồi thường đi đôi đầu tư xây dựng tuyến nhánh BH2	190.785.000	-
- Chi phí đầu tư hạ tầng khu tái định cư (*)	21.232.672.280	-
- Các công trình khác	744.012.038	523.082.438
Cộng	64.118.921.702	47.526.106.701

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(*) Hợp đồng số 02 AHP/HDKT-2013 ngày 02/04/2013 ký giữa Công ty CP Cảng Đồng Nai và Công ty CP Phát triển hạ tầng An Hưng Phát về việc thanh toán chi phí đầu tư hạ tầng khu tái định cư để Công ty CP Cảng Đồng Nai bố trí tái định cư cho các hộ dân thuộc dự án đầu tư mở rộng Cảng Đồng Nai tại KDC Bình Dương, P.Long Bình Tân, TP. Biên Hòa. Tổng giá trị HD là 27.054.453.800 VND.

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết (*)	15.165.000.000	22.551.750.000
Đầu tư dài hạn khác	7.000.000.000	7.000.000.000
- Đầu tư cổ phiếu	7.000.000.000	7.000.000.000
+ Công ty CP Sonadezi Châu Đức - 700.000 cổ phiếu	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	22.165.000.000	29.551.750.000

(*) Các khoản đầu tư vào công ty liên kết bao gồm:

Tên công ty	31/12/2013			01/01/2013	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp VND
- Công ty CP Cảng Long Thành	183.150	30%	1.665.000.000	30%	1.665.000.000
- Công ty CP DV hàng hải Đồng Nai			-	28%	7.386.750.000
- Công ty CP DV Cảng Đồng Nai	1.350.000	45%	13.500.000.000	45%	13.500.000.000
Cộng			15.165.000.000		22.551.750.000

11. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	4.790.439.176	2.247.134.074
Giá trị còn lại của CCDC chờ phân bổ	-	360.422.193
Chi phí đền bù đất (*)	16.570.390.901	16.966.347.241
Chi phí Tư vấn phát triển năng lực lãnh đạo và lựa chọn giải pháp	554.987.182	-
Chi phí Bảo hiểm xe chở phân bổ	13.213.639	-
Cộng	21.929.030.898	19.573.903.508

(*) Là khoản tiền Công ty đã ứng ra để đền bù khu đất 3ha, số tiền này được căn trừ vào tiền thuê đất hàng năm mà Công ty phải nộp theo quyết định số 2501/QĐ-UBND ngày 21/09/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai và hợp đồng thuê đất số 06/HĐTD ngày 10/2/2011. Chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tương ứng với số tiền được căn trừ hàng năm theo quyết định trên.

12. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	14.986.924.581	32.534.873.730
- Vay ngân hàng	14.986.924.581	32.534.873.730
Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	8.425.800.000	1.210.000.000
Cộng	23.412.724.581	33.744.873.730

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(*) Các khoản vay ngắn hạn bao gồm:

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc (VND)	Phương thức đảm bảo khoản vay
09/13/VC BBH	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	theo từng GNN	6 tháng theo từng GNN	4.526.998.979	Thế chấp tài sản
01/CDN/2 013/HDT D	NH TMCP Công Thương - CN KCN Biên Hòa	theo từng GNN	3 tháng theo từng GNN	10.459.925.602	Tin chấp
Cộng				14.986.924.581	

(**) Các khoản nợ dài hạn đến hạn trả bao gồm:

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc (VND)	Phương thức đảm bảo khoản vay
0054.13/4 8.05.DTD A	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	11,0%	84 tháng	1.000.800.000	Thế chấp tài sản
61/2012/H ĐTD-TD	Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai	10,2%	60 tháng	1.452.000.000	Thế chấp tài sản
71/2013/H ĐTD-TD	Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai	9,6%	36 tháng	5.973.000.000	Thế chấp tài sản
Cộng				8.425.800.000	

13. Phải trả người bán

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải trả cho người nhận thầu xây lắp	5.833.720.702	7.153.558.203
Phải trả nhà cung cấp dịch vụ	14.154.287.994	7.174.720.367
Các nhà cung cấp khác	730.553.494	157.134.717
Cộng	20.718.562.190	14.485.413.287

14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Khách hàng trả trước tiền cung cấp dịch vụ	21.309.621	44.667.202
Cộng	21.309.621	44.667.202

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		31/12/2013	01/01/2013		
		VND	VND		
Thuế giá trị gia tăng		679.054.329	-		
Thuế thu nhập doanh nghiệp		503.818.510	486.362.047		
Thuế thu nhập cá nhân		76.790.000	217.344.911		
Cộng		1.259.662.839	703.706.958		
16. Chi phí phải trả		31/12/2013	01/01/2013		
		VND	VND		
Chi phí lãi vay		59.678.045	64.114.147		
Chi phí thuê thiết bị xếp dỡ, công nhân		-	743.261.415		
Chi phí khác			10.411.500		
Cộng		59.678.045	817.787.062		
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác		31/12/2013	01/01/2013		
		VND	VND		
Kinh phí công đoàn		-	270.696.440		
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)		10.117.390.752	10.187.789.483		
Cộng		10.117.390.752	10.458.485.923		
(*) Các khoản phải trả, phải nộp khác bao gồm:					
- Cổ tức phải trả		8.490.657.640	8.393.397.740		
- Phải trả về tiền đến bù trạm nước xã Phước Thái, nợ vệt luồng vào Cảng Gò Dầu		1.373.382.250	1.373.382.250		
- Phải trả khác		253.350.862	421.009.493		
Cộng		10.117.390.752	10.187.789.483		
18. Vay và nợ dài hạn		31/12/2013	01/01/2013		
		VND	VND		
Vay dài hạn		22.947.200.000	5.790.000.000		
- Vay ngân hàng		5.582.200.000	-		
- Vay đối tượng khác		17.365.000.000	5.790.000.000		
Cộng		22.947.200.000	5.790.000.000		
Các khoản vay dài hạn bao gồm:					
Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc (VND)	Phương thức đảm bảo khoản vay
0054.13/4	Ngân hàng TMCP	11,0%	84 tháng	5.582.200.000	Thế chấp tài sản
8.05.DTD	Ngoại thương Việt Nam				
A					
61/2012/H	Quỹ đầu tư phát triển	10,2%	60 tháng	4.338.000.000	Thế chấp tài sản
DTD-TD	Đồng Nai				
71/2013/H	Quỹ đầu tư phát triển	9,6%	36 tháng	13.027.000.000	Thế chấp tài sản
DTD-TD	Đồng Nai				
Cộng				22.947.200.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG DÓNG NAI

Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	82.319.980.000	74.434.806.545	154.924.062	40.896.010.022	5.619.977.101	306.559.183	27.299.839.003
- Tăng trong kỳ			(154.924.062)				
- Giảm trong kỳ							
- Lãi trong kỳ							44.508.844.240
- Phân phối lợi nhuận năm 2011				13.354.384.298	1.603.332.789	320.666.558	(26.293.847.422)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển				13.354.384.298			(13.354.384.298)
+ Trích quỹ dự phòng tài chính					1.603.332.789		(1.603.332.789)
+ Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ						320.666.558	(320.666.558)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi							(2.644.665.904)
+ Trích quỹ chi cho công tác xã hội							1961.999.673
+ Chia cổ tức năm 2011							(7.408.798.200)
- Tạm chia cổ tức năm 2012							(8.231.998.000)
- Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi							(2.898.000.000)
Số dư cuối năm trước	82.319.980.000	74.434.806.545	-	54.250.394.320	7.223.309.890	627.225.741	34.384.837.821
- Lãi trong năm							44.885.853.099
- Phân phối lợi nhuận năm 2012							(32.813.314.117)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển				19.073.449.104	2.106.807.109	1.685.445.687	(19.073.449.104)
+ Trích quỹ dự phòng tài chính					2.106.807.109		(2.106.807.109)
+ Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ						1.685.445.687	(1.685.445.687)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi							(51.529.952)
+ Trích quỹ chi cho công tác xã hội							(1.264.083.268)
+ Trích quỹ khen thưởng ban điều hành							(400.000.000)
+ Chia cổ tức							(8.231.998.000)
- Tạm chia cổ tức năm 2013							(8.231.998.000)
Số dư cuối kỳ	82.319.980.000	74.434.806.545	-	73.323.843.424	9.330.116.999	2.312.671.428	38.225.378.803



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013 VND	%	01/01/2013 VND	%
Vốn góp của Tổng công ty Phát triển Khu công nghiệp	41.983.200.000	51%	41.983.200.000	51%
Vốn góp của các cổ đông khác	40.336.780.000	49%	40.336.780.000	49%
Cộng	82.319.980.000	100%	82.319.980.000	100%

c) Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	82.319.980.000	82.319.980.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	82.319.980.000	82.319.980.000
- Cổ tức đã chia	16.463.996.000	15.640.796.200

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	8.231.998	8.231.998
- Số lượng cổ phiếu đã đã bán ra công chúng	8.231.998	8.231.998
+ Cổ phiếu thường	8.231.998	8.231.998
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.231.998	8.231.998
+ Cổ phiếu thường	8.231.998	8.231.998

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	202.767.978.517	168.968.537.254
Cộng	202.767.978.517	168.968.537.254
2. Giá vốn hàng bán	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	124.016.156.930	94.382.334.589
Cộng	124.016.156.930	94.382.334.589

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	972.212.847	324.989.660
Cổ tức và lợi nhuận được chia	901.575.000	2.820.724.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.599.294	153.709.830
Cộng	1.887.387.141	3.299.423.490
4. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	4.684.653.790	1.781.952.438
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	10.617.220
Chi phí tài chính khác	45.454.545	-
Cộng	4.730.108.335	1.792.569.658
5. Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu tiền bồi thường	320.000.000	22.500.000
Thu thanh lý TSCĐ	1.381.818.182	1.020.084.527
Thu tiền thi công công trình	1.254.475.455	-
Thu nhập khác	146.612.754	634.356.791
Cộng	3.102.906.391	1.676.941.318
6. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền nộp phạt thuế	-	355.541.478
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	102.501.898	473.335.926
Chi phí thi công công trình	1.208.759.715	-
Chi phí khác	274.039.162	141.866.820
Cộng	1.585.300.775	970.744.224
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng tại công ty là: 10% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính, thời hạn áp dụng thuế suất ưu đãi 12 năm kể từ năm 2009 và được giảm 50% số thuế phải nộp với thời gian 8 năm kể từ năm 2009. Đối với các hoạt động khác, công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47.532.217.136	46.727.836.473
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(668.570.968)	(2.347.991.822)
- Các khoản điều chỉnh tăng	233.004.032	472.732.178
* <i>Chi phí không hợp lệ</i>	233.004.032	472.732.178
- Các khoản điều chỉnh giảm	901.575.000	2.820.724.000
* <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	901.575.000	2.820.724.000
- Tổng lợi nhuận để tính thuế TNDN	46.863.646.168	44.379.844.651
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập được ưu đãi miễn, giảm (10%)	45.347.737.526	44.379.844.651
- Thu nhập không được ưu đãi miễn, giảm (25%)	1.515.908.642	-
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	4.913.750.913	4.437.984.465
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	2.267.386.876	2.218.992.233
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.646.364.037	2.218.992.233
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	44.885.853.099	44.508.844.240
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	44.885.853.099	44.508.844.240
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.231.998	8.231.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.453	5.407
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	10.994.903.614	9.147.030.842
Chi phí nhân công	38.276.902.625	36.859.385.431
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.258.879.783	13.884.154.095
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.509.520.264	41.698.938.621
Chi phí bằng tiền khác	13.870.439.517	22.864.242.718
Cộng	153.910.645.803	124.453.751.707

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	3.585.927.000	2.476.488.000

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch chưa VAT(VND)
Tổng công ty phát triển khu công nghiệp	Công ty mẹ	Chi trả tiền cổ tức	8.396.640.000
Công ty CP Cảng Long Thành	Công ty liên kết	Nhận tiền cổ tức	91.575.000
		Cung cấp dịch vụ	946.469.565
		Cước thuê cầu cảng	179.975.070
		Chi trả tiền cổ tức	235.200.000
Công ty CP DV Hàng hải Đồng Nai	Bên liên quan	Nhận tiền cổ tức	633.150.000
		Cung cấp dịch vụ	64.317.164
		Chi trả tiền cổ tức	88.825.400
		Cước thuê tàu lai	2.025.968.182
Công ty CP DV Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết	Nhận tiền cổ tức	810.000.000
		Cung cấp dịch vụ	146.011.137
		Cước thuê xe, xếp dỡ	15.973.041.638

Cho đến ngày 31/12/2013, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả) (VND)
Tổng công ty phát triển khu công nghiệp	Công ty mẹ	Chi trả tiền cổ tức	(4.198.320.000)
Công ty CP Cảng Long Thành	Công ty liên kết	Chi trả tiền cổ tức	(117.600.000)
Công ty CP DV Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết	Cước thuê xe, xếp dỡ	(3.924.344.622)
Công ty CP DV Hàng hải Đồng Nai	Bên liên quan	Cước thuê tàu lai	(19.575.000)
		Cung cấp dịch vụ	2.475.141.830

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là : Kinh doanh khai thác cầu cảng, kho bãi, dịch vụ bốc xếp hàng hóa, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁNG ĐỒNG NAI

Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.244.039.899	28.464.753.971	25.244.039.899	28.464.753.971
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.148.422.360	32.584.111.214	33.148.422.360	32.584.111.214
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	65.392.462.259	68.048.865.185	65.392.462.259	68.048.865.185
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	46.359.924.581	39.534.873.730	46.359.924.581	39.534.873.730
Phải trả người bán và phải trả khác	30.835.952.942	24.673.202.770	30.835.952.942	24.673.202.770
Chi phí phải trả	59.678.045	817.787.062	59.678.045	817.787.062
Cộng	77.255.555.568	65.025.863.562	77.255.555.568	65.025.863.562

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giá định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phản ánh xi với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2013 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn tin cậy thì giá trị hợp lý được lấy theo giá trị sổ sách.



BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Tài sản đảm bảo

Công ty có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác vào ngày 31/12/2012 và 31/12/2013 như thuyết minh V.7. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2012 và 31/12/2013.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	54.308.355.568	22.947.200.000	77.255.555.568
Các khoản vay	23.412.724.581	22.947.200.000	46.359.924.581
Phải trả người bán	20.718.562.190	-	20.718.562.190
Phải trả khác	10.117.390.752	-	10.117.390.752
Chi phí phải trả	59.678.045	-	59.678.045
Số đầu năm	59.235.863.562	5.790.000.000	65.025.863.562
Các khoản vay	33.744.873.730	5.790.000.000	39.534.873.730
Phải trả người bán	14.485.413.287	-	14.485.413.287
Phải trả khác	10.187.789.483	-	10.187.789.483
Chi phí phải trả	817.787.062	-	817.787.062

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

300
V.G.
PHÁ
NG
G.N.
-1.9

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

Người lập biểu



Vũ Thị Quỳnh Trang
Đồng Nai, ngày 19 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng



Vòng Thị Thủy Phương



Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Bạch Mai

